Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-101 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC528	46F1			Tự động hoá gia công	12728	Nguyễn Thuấn	111110116	90	2	--34-------	2
TEE545	46Z	02		Giới thiệu về thiết kế VLSI	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111110531	80	2	--34-------	5
BAS301	47S			Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111431	90	2	----56-----	2
MEC442	47U			Dụng cụ cắt	12722	Cao Thanh Long	111111115	80	2	------78---	2
BAS205	49D	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	3	12---------	3
PED501	46C	01		PP nghiên cứu khoa học GD	50100	Trương Thị Thu Hương	111110621 ...	84	3	12---------	5678901234567
BAS108	50N1			Toán 1(Đại số tuyến tính)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111109411	5	3	--34-------	6 8 0 2 4 6 8
BAS108	50N1	01		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111109411	5	3	--34-------	5 7 9 1 3 5 7 9
ELE516	46B	01		Năng lượng mới và tái tạo	20103	Ngô Đức Minh	111110301	80	3	----56-----	3 5678901234567
BAS205	49F1	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	3	------78---	5
MEC203	48C1	03		Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112104	85	3	------78---	5 7 9 1 3
ENG202	BS01	04		Pre- Intermediate 2			111108111	70	3	------78---	0
ENG202	BS01	05		Pre- Intermediate 2			111108111	70	3	------78---	2 4
PED402	47Y	06		Giáo dục học	50502	Trần Thị Vân Anh	111111611	70	3	------78---	6
BAS108	50X	06		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	3	------78---	7
ELE402	K1DT	03		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	3	------78---	8
180000	47T			Sinh hoạt lớp	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	62	3	--------90-	7
180000	46T2	01		Sinh hoạt lớp	42107	Đặng Thị Hiên	111113531	70	3	--------90-	0 3 6 9
BAS104	50Q			Hóa học đại cương	70206	Nguyễn Thị Thúy Hằng	111109414	5	4	12---------	5
BAS108	50P	01		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111109412	5	4	12---------	6 8 0 2 456 8
BAS104	50Q	03		Hóa học đại cương	70206	Nguyễn Thị Thúy Hằng	111109414	5	4	12---------	7 9 1 3
PED502	46C			Quản lý Nhà nước và Quản lý GDĐT	50505	Nguyễn Thị Ngọc Linh	111110621 ...	84	4	--34-------	23 5678901234567
ELE522	46O	01		Thiết bị chiếu sáng	20506	Trần Thị Thanh Nga	111110431	80	4	----56-----	3
ELE201	48I1	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22102	Lê Thị Thu Hà	111112402	80	4	----56-----	2 5 7 9 1 3 5 7
ELE201	48H1	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22103	Đặng Danh Hoằng	111112405	80	4	----56-----	6 8 0 2 4 6
TEE303	48I1			Kỹ thuật điện tử tương tự	40013	Nguyễn Hoàng Việt	111112402	90	4	------78---	2 5 7 9 1 3
ELE401	47N	01		Cơ sở Truyền động điện	20225	Nguyễn Hồng Quang	111111414 ...	85	4	------78---	3 6 8 0 2 4 67
TEE303	48I1	02		Kỹ thuật điện tử tương tự	40013	Nguyễn Hoàng Việt	111112402	90	4	------78---	5
180000	46I5			Sinh hoạt lớp	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	111110441	37	4	--------90-	7
180000	48M4	01		Sinh hoạt lớp	12633	Đặng Anh Tuấn	111112151	80	4	--------90-	0 3 6 9
FIM305	48G			Kỹ thuật phản ứng	11007	Hoàng Lê Phương	111112301	80	5	12---------	2 6
MEC415	46C	01		Dụng cụ cắt 1	12719	Nguyễn Thái Bình	111110621	70	5	12---------	5678901234
MEC101	49D	06		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113131	90	5	12---------	7
ELE308	48H	04		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112404	80	5	12---------	3
ELE529	46H			Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	5	--34-------	2 56

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
TEE545	46Z	06		Giới thiệu về thiết kế VLSI	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111110531	80	5	--34-------	6
ELE529	46H	01		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	5	--34-------	3
BAS205	49P			Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	5	----56-----	23
ELE414	47S	01		Hệ thống cung cấp điện	20018	Nguyễn Thị Thanh Thủy	111111431	85	5	----56-----	5678901234
ELE414	47S	03		Hệ thống cung cấp điện	20018	Nguyễn Thị Thanh Thủy	111111431	85	5	----56-----	67
BAS205	49B1			Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	------78---	2
FIM301	47B	03		Các quá trình sản xuất cơ bản	70210	Nguyễn Thị Hằng	111111301	80	5	------78---	3
TEE303	47Z	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40109	Nguyễn Phương Huy	111111131	100	5	------78---	3 6 8 0 2 4 67
BAS205	49K	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	5	------78---	5
BAS205	49K	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	5	------78---	7
MEC203	48D1	11		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	5	------78---	1
MEC205	BS01	06		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	5	------78---	9
180000	46S3			Sinh hoạt lớp	50107	Bùi Đức Việt	111110621	46	5	--------90-	7
180000	48I3	01		Sinh hoạt lớp	20269	Vũ Văn Hùng	111112413	65	5	--------90-	0 3 6 9
TEE301	48H			Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12---------	1
ELE548	46M			Logic mờ và mạng nơ ron	22112	Dương Quốc Hưng	111110411	90	6	12---------	23 5678901234567
ELE309	48H			Vật liệu điện	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	111112404	85	6	--34-------	2
MEC415	46C	03		Dụng cụ cắt 1	12719	Nguyễn Thái Bình	111110621	70	6	--34-------	67
MEC415	46C	01		Dụng cụ cắt 1	12719	Nguyễn Thái Bình	111110621	70	6	--34-------	5678901234
MEC415	46C	02		Dụng cụ cắt 1	12719	Nguyễn Thái Bình	111110621	70	6	--34-------	5
MEC203	48A	01		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112131	85	6	--34-------	1
TEE301	48L	01		Kỹ thuật đo lường 1	40209	Nguyễn Trọng Toản	111112403	90	6	--34-------	3
ELE201	49M			Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22106	Lê Thị Huyền Linh	111113571	80	6	----56-----	3
FIM316	48X1			Vật liệu xây dựng	91101	Phạm Thị Hồng Hà	111112202 ...	90	6	----56-----	2
MEC511	46K	03		Ô tô – Máy kéo 3	12900	Nguyễn Kim Bình	111110141	80	6	----56-----	1
BAS205	49K	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	6	----56-----	6
BAS205	49K	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	6	----56-----	8
FIM316	48X1	03		Vật liệu xây dựng	91101	Phạm Thị Hồng Hà	111112202 ...	90	6	----56-----	9 1 3 5 7
TEE301	48D1	13		Kỹ thuật đo lường 1	40210	Nguyễn Văn Chí	111112106	90	6	----56-----	6
MEC307	48D1	11		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12620	Bùi Thanh Hiền	111112106	85	6	----56-----	4
MEC307	48D1	09		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12620	Bùi Thanh Hiền	111112106	85	6	----56-----	2
BAS401	BS01	15		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	6	----56-----	0
TEE301	48C1			Kỹ thuật đo lường 1	40217	Dương Quỳnh Nhật	111112104	90	6	------78---	1
BAS205	49C1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70008	Nguyễn Thị Phương	111113106	85	6	------78---	67
MEC204	49E	02		Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113601	85	6	------78---	5 7 9 1 3 5
MEC204	49E	01		Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113601	85	6	------78---	2
ELE509	46Q	09		Quy hoạch phát triển HTĐ	20001	Nguyễn Minh Cường	111110421	80	6	------78---	8
TEE301	48D1	09		Kỹ thuật đo lường 1	40206	Ngô Phương Thanh	111112106	90	6	------78---	2
MEC303	48D1	05		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111112106	85	6	------78---	0
MEC303	48D1	01		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111112106	85	6	------78---	3
TEE307	47H	13		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	80	6	------78---	4

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
TEE307	47H	09		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	80	6	------78---	6
180000	48T			Sinh hoạt lớp	40015	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	111112521	70	6	--------90-	7
PED501	46C			PP nghiên cứu khoa học GD	50100	Trương Thị Thu Hương	111110621 ...	84	7	12---------	1
BAS401	BS02	12		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	7	12---------	5
MEC307	48C			Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111112103	85	7	--34-------	23 5678901234567
FIM325	48V			Kế toán quản trị 2	92203	Dương Hương Lam	111112731	90	7	----56-----	23
ELE529	46N			Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110413 ...	95	7	----56-----	1
MEC553	46E	01		Máy công cụ 2	12718	Nguyễn Thuận	111110113	90	7	----56-----	5
TEE408	K1DT	01		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	7	----56-----	7
TEE408	K1DT	06		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	7	----56-----	3
ELE201	49P	03		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111113454	80	7	------78---	2 4
ELE201	49P	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22109	Trần Thị Thanh Thảo	111113454	80	7	------78---	3 6 8 0
ELE201	49P	04		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22109	Trần Thị Thanh Thảo	111113454	80	7	------78---	6
ELE302	48P	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	22102	Lê Thị Thu Hà	111112408	80	7	------78---	5
MEC101	49C	01		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113105	85	8	12---------	3
FIM482	47C	01		Phân tích hoạt động kinh doanh	92303	Nguyễn Trung Thành	111111751	80	8	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
TEE301	48I1			Kỹ thuật đo lường 1	40201	Nguyễn Nam Trung	111112402	90	8	----56-----	23 5678901234567
MEC203	48D1	01		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	8	----56-----	1
MEC205	48D1			Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112106	85	8	------78---	1

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-102 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
ELE550	46H			Điều khiển số truyền động điện	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111109415	90	2	12---------	2
ELE525	46M			Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20200	Nguyễn Như Hiển	111110411	85	2	--34-------	2
TEE424	47T			Đo lường và Thông tin công nghiệp	40201	Nguyễn Nam Trung	111111441	80	2	----56-----	2
MEC442	47O			Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111111	80	2	------78---	2
MEC101	49F			Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113201	85	3	12---------	3
ELE422	47R	01		Trạm biến áp và phân phối điện	20008	Lê Tiên Phong	111111421	80	3	12---------	5
BAS205	49A	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12---------	3
BAS205	49A	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12---------	1
BAS205	49A	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12---------	9
BAS205	49A	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12---------	7
MEC204	49C	04		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113105	85	3	12---------	5
MEC101	49D	04		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113131	90	3	12---------	0 2
MEC101	49D	05		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113131	90	3	12---------	4 6
ELE205	49H1	13		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	3	12---------	7
ELE201	49P1	05		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	3	12---------	8
MEC203	48A	02		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112131	85	3	12---------	6
MEC205	48D	03		Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112105	85	3	--34-------	6
FIM303	48G	06		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	3	--34-------	1
FIM303	48G	05		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	3	--34-------	3
FIM303	48G	02		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	3	--34-------	5
BAS108	50X1	01		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114171 ...	0	3	--34-------	7
BAS108	50X1	02		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114171 ...	0	3	--34-------	8
MEC507	46K	01		Kiểm định và chẩn đoán Ô tô – Máy kéo	30002	Đỗ Tiến Dũng	111110141	80	3	----56-----	5678901234567
ELE308	48H1	01		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112405	80	3	----56-----	3
MEC513	46K	01		Trang bị thuỷ khí trên Ô tô – Máy kéo	30004	Lê Văn Quỳnh	111110141	80	3	------78---	3 5678901234567
180000	47D1			Sinh hoạt lớp	12906	Hoàng Anh Tấn	111111141	80	3	--------90-	7
180000	47T2	01		Sinh hoạt lớp	92109	Nguyễn Thị Hồng Nhung	111111731	70	3	--------90-	0 3 6 9
BAS210	49H1	13		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	4	12---------	4 6
BAS210	49H1	12		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	4	12---------	2
BAS210	49H1	07		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	4	12---------	0
FIM216	49H1	06		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	4	12---------	3 5 7
TEE301	48D	05		Kỹ thuật đo lường 1	40202	Nguyễn Văn Chí	111112105	90	4	12---------	6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
FIM370	48G	05		Phân tích môi trường	11006	Trần Thị Bích Thảo	111112301	80	4	12---------	8
MEC521	47V			Phương pháp và tiến trình thiết kế	12625	Nguyễn Văn Dự	111111151	90	4	--34-------	2 5 7 9 1 3 5
ELE422	47R	03		Trạm biến áp và phân phối điện	20008	Lê Tiên Phong	111111421	80	4	--34-------	6
BAS205	49A	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	4
BAS205	49A	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	0
BAS205	49A	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	2
BAS205	49A	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	8
ELE205	49H1	13		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	4	--34-------	7
BAS205	49K1	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	4	--34-------	6
BAS301	48A	01		Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111112131	80	4	--34-------	3
MEC532	46E			Công nghệ Chế tạo máy 1	12710	Hà Đức Thuận	111110113	90	4	----56-----	2
ELE201	48H1			Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22103	Đặng Danh Hoằng	111112405	80	4	----56-----	3
MEC403	46K	01		Hệ thống phun nhiên liệu	30002	Đỗ Tiến Dũng	111110141	80	4	----56-----	5678901234567
MEC506	46K			Khí xả của động cơ đốt trong	12901	Nguyễn Trung Kiên	111110141	80	4	------78---	23 567890123456
180000	48T3			Sinh hoạt lớp	40208	Phạm Văn Thiêm	111112541	70	4	--------90-	7
180000	49C4	01		Sinh hoạt lớp	12801	Nguyễn Thành Công	111113104	78	4	--------90-	0 3 6 9
MEC101	49D			Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113131	90	5	12---------	3
BAS301	48H	05		Nhiệt động lực học	30004	Lê Văn Quỳnh	111112404	80	5	12---------	7
BAS301	48H	03		Nhiệt động lực học	30004	Lê Văn Quỳnh	111112404	80	5	12---------	5 7 9 1 3
MEC303	BS01	10		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	5	12---------	6
PED313	CN1M	05		Công nghệ gia công cắt gọt	12730	Bùi Hữu Nam	112113181	50	5	12---------	0
PED313	CN1M	02		Công nghệ gia công cắt gọt	12730	Bùi Hữu Nam	112113181	50	5	12---------	6
BAS111	50X1	03		Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	112114171 ...	0	5	12---------	8
MEC303	48A			Nguyên lý máy	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111112131	85	5	--34-------	2 5 7 9 1 3
FIM303	48G			Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	5	--34-------	3
BAS111	50K			Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	111109112	5	5	--34-------	6 8 0 2 4 6
MEC303	48A	03		Nguyên lý máy	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111112131	85	5	--34-------	7
MEC501	46K			Dao động và ổn định Ô tô - Máy kéo	30004	Lê Văn Quỳnh	111110141	80	5	----56-----	2 5 7 9 1 3
BAS112	49F1			Vật lý II	70112	Nguyễn Thanh Tùng	111113202	90	5	----56-----	3
MEC101	49A1	02		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113102	85	5	----56-----	7
BAS205	49P	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	5	----56-----	6
BAS205	49P	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	5	----56-----	2
BAS205	49P	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	5	----56-----	4
BAS205	49P	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	5	----56-----	0
BAS205	49P	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	5	----56-----	6
BAS205	49P	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	5	----56-----	8
MEC511	46K			Ô tô – Máy kéo 3	12900	Nguyễn Kim Bình	111110141	80	5	------78---	23 567890
MEC511	46K	02		Ô tô – Máy kéo 3	12900	Nguyễn Kim Bình	111110141	80	5	------78---	2
MEC511	46K	04		Ô tô – Máy kéo 3	12900	Nguyễn Kim Bình	111110141	80	5	------78---	4
MEC511	46K	06		Ô tô – Máy kéo 3	12900	Nguyễn Kim Bình	111110141	80	5	------78---	67
ELE516	46Q	05		Năng lượng mới và tái tạo	20103	Ngô Đức Minh	111110421 ...	90	5	------78---	3

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC205	BS01	08		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	5	------78---	1
180000	48D1			Sinh hoạt lớp	12905	Nguyễn Minh Châu	111112141	70	5	--------90-	7
180000	48T2	01		Sinh hoạt lớp	92110	Vũ Hồng Vân	111112731	70	5	--------90-	0 3 6 9
MEC101	49C			Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113105	85	6	12---------	1
BAS205	49D	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	6	12---------	45
BAS210	49H1	02		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	6	12---------	5
TEE301	48H	03		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12---------	67
TEE301	48H	07		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12---------	9
FIM501	48G	07		Quản trị doanh nghiệp CN	92110	Vũ Hồng Vân	111112301	80	6	12---------	2
FIM501	48G	06		Quản trị doanh nghiệp CN	92110	Vũ Hồng Vân	111112301	80	6	12---------	1
FIM501	48G	03		Quản trị doanh nghiệp CN	92110	Vũ Hồng Vân	111112301	80	6	12---------	8
BAS111	50X1	06		Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	112114171 ...	0	6	12---------	3
BAS108	50X1	01		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114171 ...	0	6	12---------	7
BAS114	50E1	02		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70916	Nguyễn Nam Hưng	115109111	80	6	12---------	0
MEC204	49A	03		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113101	85	6	--34-------	1
BAS205	49I1	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	6	--34-------	3
ELE309	48H	06		Vật liệu điện	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	111112404	85	6	--34-------	89
ELE309	48H	07		Vật liệu điện	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	111112404	85	6	--34-------	1
FIM212	48G	10		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-------	4
FIM212	48G	12		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-------	6
FIM212	48G	01		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-------	23
BAS401	BS02	14		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-------	7
MEC319	CN1M	07		Máy và dụng cụ	12716	Dương Công Định	112113181	50	6	--34-------	2
MEC319	CN1M	05		Máy và dụng cụ	12716	Dương Công Định	112113181	50	6	--34-------	0
BAS205	49O			Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	6	----56-----	2
MEC205	48A			Cơ kỹ thuật 2	10106	Nguyễn Thị Hoa	111112131	85	6	----56-----	1
MEC204	49A1	02		Cơ kỹ thuật 1	10106	Nguyễn Thị Hoa	111113102	85	6	----56-----	5 7 9 1 3 5
BAS205	49K	14		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	6	----56-----	7
ELE201	49M	05		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22106	Lê Thị Huyền Linh	111113571	80	6	----56-----	8
BAS401	BS01	17		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	6	----56-----	2
BAS401	BS01	19		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	6	----56-----	4
BAS401	BS01	09		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	6	----56-----	6
BAS401	BS01	11		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	6	----56-----	6
MEC203	BS01	07		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	----56-----	0
TEE301	48L1			Kỹ thuật đo lường 1	40209	Nguyễn Trọng Toản	111112406	90	6	------78---	2
MEC501	46K	01		Dao động và ổn định Ô tô - Máy kéo	30004	Lê Văn Quỳnh	111110141	80	6	------78---	3 6 8 0 2 4 6
BAS205	49C1	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70008	Nguyễn Thị Phương	111113106	85	6	------78---	5
ELE509	46Q	05		Quy hoạch phát triển HTĐ	20001	Nguyễn Minh Cường	111110421	80	6	------78---	1
ELE509	46Q	06		Quy hoạch phát triển HTĐ	20001	Nguyễn Minh Cường	111110421	80	6	------78---	3
ELE509	46Q	04		Quy hoạch phát triển HTĐ	20001	Nguyễn Minh Cường	111110421	80	6	------78---	9
BAS401	48D1	03		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	6	------78---	7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS401	48D1	02		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	6	------78---	5
180000	48M3			Sinh hoạt lớp	10806	Hà Bách Tứ	111112121	50	6	--------90-	7
TEE301	48A	01		Kỹ thuật đo lường 1	40201	Nguyễn Nam Trung	111112131	90	7	12---------	3 5678901234567
FIM370	48G	06		Phân tích môi trường	11006	Trần Thị Bích Thảo	111112301	80	7	12---------	1
ELE522	46P	01		Thiết bị chiếu sáng	20506	Trần Thị Thanh Nga	111110441	70	7	12---------	2
ELE533	46A1	01		Chiếu sáng đô thị	20008	Lê Tiên Phong	111110202	80	7	--34-------	5
ELE533	46A1	02		Chiếu sáng đô thị	20008	Lê Tiên Phong	111110202	80	7	--34-------	6
ELE533	46A1	03		Chiếu sáng đô thị	20008	Lê Tiên Phong	111110202	80	7	--34-------	34
ELE205	49H			Kỹ thuật điện đại cương	22108	Đặng Ngọc Trung	111113751	85	7	----56-----	1
MEC532	46E1	01		Công nghệ Chế tạo máy 1	12707	Phạm Ngọc Duy	111110114	90	7	----56-----	5
TEE408	K1DT	08		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	7	----56-----	6
TEE408	K1DT	07		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	7	----56-----	4
TEE408	K1DT	05		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	7	----56-----	2
MEC307	48C1			Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12618	Trần Thị Phương Thảo	111112104	85	7	------78---	23 5678901234567
ELE509	46Q			Quy hoạch phát triển HTĐ	20001	Nguyễn Minh Cường	111110421	80	7	------78---	1
BAS205	49K1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	8	12---------	3

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-103 (Sức Chứa: 100)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
TEE311	48Q			Kỹ thuật điện tử số	40008	Bạch Văn Nam	111112407	80	2	12---------	2
ELE510	46Q1			Thông tin và điều độ HTĐ	20006	Lê Hồng Thái	111110422	80	2	--34-------	2
MEC304	47V	03		Vật liệu kỹ thuật	10404	Vũ Lai Hoàng	111111151	90	2	--34-------	5
ELE201	48L1	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111112406	80	2	----56-----	2
TEE303	48L1			Kỹ thuật điện tử tương tự	40003	Mai Trung Thái	111112406	90	2	------78---	2
BAS205	49A	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12---------	5
ELE201	49P1	10		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	3	12---------	3
ELE201	49P1	06		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	3	12---------	9
ELE201	49P1	08		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	3	12---------	1
ELE201	49P1	04		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	3	12---------	7
ELE201	48L	07		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111112403	80	3	12---------	7
FIM309	48X	01		Vẽ kỹ thuật xây dựng	91002	Nguyễn Xuân Thành	111112201	85	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
FIM479	47B	01		Kỹ thuật xử lý khí thải	11010	Nguyễn Trần Hưng	111111301	80	3	12---------	5
TEE505	46I	01		Thiết kế mạch điều khiển số	40209	Nguyễn Trọng Toản	111110131	90	3	--34-------	3 5678901234567
MEC204	49F1			Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113202	85	3	----56-----	3
BAS205	49A1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70012	Lê Bích Ngọc	111113102	85	3	----56-----	5678901234567
MEC204	49A1			Cơ kỹ thuật 1	10106	Nguyễn Thị Hoa	111113102	85	3	------78---	3
MEC204	49A1	03		Cơ kỹ thuật 1	10106	Nguyễn Thị Hoa	111113102	85	3	------78---	6 8 0 2 4 67
BAS205	49F1	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	3	------78---	3
BAS205	49F1	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	3	------78---	9
BAS205	49K	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	3	------78---	5
BAS205	49M	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	------78---	5
BAS205	49M	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	------78---	1
ELE308	BS01	04		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	3	------78---	7
180000	46D3			Sinh hoạt lớp	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111110531 ...	120	3	--------90-	7
180000	46D3	01		Sinh hoạt lớp	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111110531 ...	120	3	--------90-	0 3 6 9
ELE309	48L			Vật liệu điện	20508	Nguyễn Tiến Dũng	111112403	85	4	12---------	2
FIM370	48G			Phân tích môi trường	11006	Trần Thị Bích Thảo	111112301	80	4	12---------	3
TEE503	46I	01		Hệ thống điều khiển 2	40210	Nguyễn Văn Chí	111110131	90	4	12---------	5678901234567
TEE504	46I			Mạch giao diện máy tính	40303	Nguyễn Tiến Duy	111110131	90	4	--34-------	2 5 7 9 1 3 5 7
MEC303	BS01			Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	4	--34-------	3
MEC303	BS01	03		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	4	--34-------	8
MEC303	BS01	10		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	4	--34-------	6
MEC303	BS01	09		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	4	--34-------	4
MEC303	BS01	07		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	4	--34-------	2

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC303	BS01	05		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	4	--34-------	0
BAS205	49B1			Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	2
FIM517	46A	02		Kinh tế xây dựng	91007	Nguyễn Thị Thúy Hiên	111110201 ...	150	4	----56-----	7
MEC204	49A1	02		Cơ kỹ thuật 1	10106	Nguyễn Thị Hoa	111113102	85	4	----56-----	5 7 9 1 3 5
BAS205	49B1	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	3
BAS205	49F1	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	4	----56-----	0
BAS205	49F1	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	4	----56-----	2
BAS205	49F1	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	4	----56-----	8
BAS205	49F1	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	4	----56-----	6
TEE415	47H	13		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	4	----56-----	4
BAS205	49A1			Toán 3 (Giải tích 2)	70012	Lê Bích Ngọc	111113102	85	4	------78---	2
BAS205	49A1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70012	Lê Bích Ngọc	111113102	85	4	------78---	5678901234567
BAS205	49A1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70012	Lê Bích Ngọc	111113102	85	4	------78---	3
180000	46D2			Sinh hoạt lớp	40012	Phạm Duy Khánh	111110521 ...	120	4	--------90-	7
180000	46D2	01		Sinh hoạt lớp	40012	Phạm Duy Khánh	111110521 ...	120	4	--------90-	0 3 6 9
ELE401	47G	03		Cơ sở Truyền động điện	20220	Lâm Hùng Sơn	111111541	80	5	12---------	7
ELE401	47G	01		Cơ sở Truyền động điện	20220	Lâm Hùng Sơn	111111541	80	5	12---------	2 5 7 9 1 3
TEE303	48L	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40012	Phạm Duy Khánh	111112403	90	5	12---------	3 6 8 0 2 4 6
BAS108	50X1			Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114171 ...	0	5	--34-------	6
BAS401	48D	08		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112105	80	5	--34-------	3
BAS401	48D	03		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112105	80	5	--34-------	7
ELE308	48H	05		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	5	--34-------	9
FIM303	48G	09		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	5	--34-------	6
FIM303	48G	11		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	5	--34-------	8
FIM303	48G	08		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	5	--34-------	7
BAS109	50V	09		Toán 2(Giải tích 1)	70022	Phạm Thị Thu	111109751	5	5	--34-------	2
PED412	CN1M	05		Công nghệ gia công không phoi	50107	Bùi Đức Việt	112113181	50	5	--34-------	1
PED412	CN1M	04		Công nghệ gia công không phoi	50107	Bùi Đức Việt	112113181	50	5	--34-------	0
BAS104	50P	06		Hóa học đại cương	70208	Lưu Thị Kiều Oanh	111109412	5	5	--34-------	4
BAS104	50P	10		Hóa học đại cương	70208	Lưu Thị Kiều Oanh	111109412	5	5	--34-------	8
MEC501	46K	03		Dao động và ổn định Ô tô - Máy kéo	30004	Lê Văn Quỳnh	111110141	80	5	----56-----	7
ELE201	49O	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22109	Trần Thị Thanh Thảo	111113452	80	5	----56-----	5 7 9 1 3
ELE201	49O	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22109	Trần Thị Thanh Thảo	111113452	80	5	----56-----	2
TEE303	48L1	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40003	Mai Trung Thái	111112406	90	5	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
FIM213	49H	01		Nguyên Lý thống kê	92309	Phan Thị Thanh Tâm	111113751	80	5	------78---	2 5 7 9 1 3 6
BAS205	49K	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	5	------78---	6
BAS205	49K	14		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	5	------78---	7
BAS205	49K	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	5	------78---	8
ELE308	48H1	01		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112405	80	5	------78---	3
BAS401	48D1	13		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	5	------78---	0
BAS401	48D1	14		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	5	------78---	2

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
ELE403	K1DT	07		Vật liệu- khí cụ điện	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	112113471 ...	85	5	------78---	4
180000	46I1			Sinh hoạt lớp	20303	Đỗ Thị Phương Thảo	111110411 ...	120	5	--------90-	7
180000	46I2	01		Sinh hoạt lớp	20225	Nguyễn Hồng Quang	111110413 ...	120	5	--------90-	0 3 6 9
BAS111	50K			Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	111109112	5	6	12---------	6 8 0 2 4 6
ELE529	46M	04		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110411 ...	95	6	12---------	1
BAS114	50E1	05		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70916	Nguyễn Nam Hưng	115109111	80	6	12---------	3
BAS114	50E1	06		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70916	Nguyễn Nam Hưng	115109111	80	6	12---------	5
PED101	49D			Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111113131	100	6	--34-------	1
BAS205	49C	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	6	--34-------	3
BAS205	49G	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113301	85	6	--34-------	3
BAS205	49I1	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	6	--34-------	9
BAS205	49I1	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	6	--34-------	0
BAS205	49I1	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	6	--34-------	8
BAS205	49I1	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	6	--34-------	1
ELE201	49P1	11		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	6	--34-------	4
ELE201	49P1	09		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	6	--34-------	2
TEE301	48L	02		Kỹ thuật đo lường 1	40209	Nguyễn Trọng Toản	111112403	90	6	--34-------	5
FIM214	48V	08	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	6	--34-------	5
FIM330	48V	05	1	Luật kinh doanh	92307	Ngô T. Hồng ánh	111112751 ...	90	6	--34-------	6
FIM342	48V	06		Lịch sử học thuyết kinh tế	92301	Nguyễn Trường Giang	111112751 ...	120	6	--34-------	7
ELE529	46M	02		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110411 ...	95	6	--34-------	6
BAS401	BS02	04		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-------	7
FIM517	46A	02		Kinh tế xây dựng	91007	Nguyễn Thị Thúy Hiên	111110201 ...	150	6	----56-----	7
MEC101	49C1	01		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113106	85	6	----56-----	2
MEC101	49C1	02		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113106	85	6	----56-----	5 7 9
ELE309	48H1	02		Vật liệu điện	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	111112405	85	6	----56-----	5
BAS301	48H1	01		Nhiệt động lực học	30004	Lê Văn Quỳnh	111112405	80	6	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
ELE513	46Q	06		ứng dụng tin học trong hệ thống điện	20020	Dương Hòa An	111110421 ...	90	6	----56-----	1
ENG202	BS01	12		Pre- Intermediate 2			111108111	70	6	----56-----	3
ENG202	BS01	09		Pre- Intermediate 2			111108111	70	6	----56-----	1
MEC101	49B1			Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113104	85	6	------78---	2 5 7 9 1 3 5 7
ELE205	49H			Kỹ thuật điện đại cương	22108	Đặng Ngọc Trung	111113751	85	6	------78---	1
FIM499	47D	01		Đấu thầu	92106	Lương Mai Uyên	111111731	90	6	------78---	6
TEE307	47H	10		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	80	6	------78---	8
ELE308	BS01	09		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	6	------78---	2
ELE308	BS01	07		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	6	------78---	0
MEC203	BS01	01		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	------78---	3
ELE414	K1DT	07		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	6	------78---	4
180000	47DT	01		Sinh hoạt lớp	40013	Nguyễn Hoàng Việt	111111521 ...	100	6	--------90-	0 3 6 9
FIM330	48V		1	Luật kinh doanh	92307	Ngô T. Hồng ánh	111112751 ...	90	7	12---------	6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
ELE201	48Q	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22103	Đặng Danh Hoằng	111112407	80	7	12---------	3
TEE303	48Q	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111112407	90	7	12---------	2 5 7 9 1 3 5
BAS205	49O1			Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113453	85	7	--34-------	2
MEC203	48A			Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112131	85	7	--34-------	3
MEC101	49F	08		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113201	85	7	--34-------	5
MEC101	49F	07		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113201	85	7	--34-------	3
MEC101	49F	06		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113201	85	7	--34-------	9 1
FIM330	48V	03	1	Luật kinh doanh	92307	Ngô T. Hồng ánh	111112751 ...	90	7	--34-------	7
FIM342	48V	03		Lịch sử học thuyết kinh tế	92301	Nguyễn Trường Giang	111112751 ...	120	7	--34-------	5
FIM319	48V1	03		Kế toán tài chính I	92202	Nguyễn Thị Kim Huyền	111112751	90	7	--34-------	6 8 0 2 4 6
ELE502	46Q	03		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	7	----56-----	1
ELE201	48L1	04		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111112406	80	7	----56-----	5
ELE513	46Q	06		ứng dụng tin học trong hệ thống điện	20020	Dương Hòa An	111110421 ...	90	7	----56-----	1
MEC537	46I1	01		Phương pháp PTHH và ứng dụng	10105	Ngô Như Khoa	111110151 ...	140	7	----56-----	3 6
TEE301	48D1			Kỹ thuật đo lường 1	40210	Nguyễn Văn Chí	111112106	90	7	------78---	1
ELE502	46Q	09		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	7	------78---	9
MEC445	47Z	01		Mô hình hóa các hệ thống động lực	10105	Ngô Như Khoa	111111131	100	7	------78---	3 6
TEE311	48L1	02		Kỹ thuật điện tử số	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111112406	80	7	------78---	5
PED101	49D	02		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111113131	100	8	12---------	2
FIM342	48V	04		Lịch sử học thuyết kinh tế	92301	Nguyễn Trường Giang	111112751 ...	120	8	12---------	0 2
FIM342	48V	02		Lịch sử học thuyết kinh tế	92301	Nguyễn Trường Giang	111112751 ...	120	8	12---------	4
FIM342	48V	07		Lịch sử học thuyết kinh tế	92301	Nguyễn Trường Giang	111112751 ...	120	8	12---------	6
FIM214	48V		1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	8	--34-------	3
ELE550	46H	03		Điều khiển số truyền động điện	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111109415	90	8	--34-------	34
MEC101	49D	01		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113131	90	8	--34-------	2
FIM516	46A	04		Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	8	----56-----	6

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-104 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
ELE547	46M1			Tổng hợp hệ điện cơ	20207	Dương Quốc Tuấn	111110412	90	2	--34-------	2
FIM309	48X1	01		Vẽ kỹ thuật xây dựng	91004	Đào Đăng Quang	111112202 ...	85	2	----56-----	2
ELE551	47N			Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20208	Nguyễn Thị Chinh	111111414	85	2	------78---	2
MEC522	46F1	02		TĐH Truyền động thuỷ khí trên máy CN	12721	Nguyễn Thế Đoàn	111110116	90	3	12---------	67
MEC101	49F	03		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113201	85	3	12---------	6 8
BAS109	50V	15		Toán 2(Giải tích 1)	70022	Phạm Thị Thu	111109751	5	3	12---------	7
BAS104	50P	01		Hóa học đại cương	70208	Lưu Thị Kiều Oanh	111109412	5	3	12---------	5
FIM422	47A1	02		Kết cấu bê tông cốt thép 1	90903	Trần Khải Hoàn	111111202	80	3	--34-------	5 7 9 1 3 5
TEE303	48L	05		Kỹ thuật điện tử tương tự	40012	Phạm Duy Khánh	111112403	90	3	--34-------	7
FIM538	47C	01		Kinh tế lượng	92312	Bùi Thị Bắc	111111751	80	3	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
ELE201	48L1			Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111112406	80	3	----56-----	3
ELE414	47K	02		Hệ thống cung cấp điện	20004	Nguyễn Đức Tường	111111412	85	3	----56-----	67
FIM309	48X1	02		Vẽ kỹ thuật xây dựng	91004	Đào Đăng Quang	111112202 ...	85	3	----56-----	5 7 9 1 3 5
MEC203	48D1	06		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	3	----56-----	4
MEC203	48D1	02		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	3	----56-----	6
MEC316	BS01	06		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	3	----56-----	0
MEC316	BS01	04		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	3	----56-----	8
MEC316	BS01	08		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	3	----56-----	2
MEC101	49C1	06		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113106	85	3	------78---	1 3 5
BAS205	49P	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	3	------78---	9
BAS205	49P	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	3	------78---	7
TEE303	48L1	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40003	Mai Trung Thái	111112406	90	3	------78---	3 6 8 0 2 4 6
MEC307	48D1	14		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12620	Bùi Thanh Hiền	111112106	85	3	------78---	7
ENG202	BS01	02		Pre- Intermediate 2			111108111	70	3	------78---	5
180000	46D1			Sinh hoạt lớp	12905	Nguyễn Minh Châu	111110141	64	3	--------90-	7
180000	47T	01		Sinh hoạt lớp	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	62	3	--------90-	0 3 6 9
MEC408	47Q	01		Cơ điện tử	11208	Dương Công Định	111111113	80	4	12---------	2 5 7 9 1 3 5 7
PED101	49D	01		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111113131	100	4	12---------	3
TEE551	46Z	02		Lý thuyết máy tự động	40208	Phạm Văn Thiêm	111110531	80	4	12---------	6 8 0 2 4 6
ELE422	47R			Trạm biến áp và phân phối điện	20008	Lê Tiên Phong	111111421	80	4	--34-------	23
ELE547	46M	01		Tổng hợp hệ điện cơ	20231	Trần Thị Hải Yến	111110411	90	4	--34-------	56
ELE201	48I1			Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22102	Lê Thị Thu Hà	111112402	80	4	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
MEC101	49E	01		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113601	85	4	----56-----	2 5 7 9 1 3
MEC101	49E	02		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113601	85	4	----56-----	5

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC203	48D1	14		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	4	----56-----	7
MEC101	49F1			Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113202	85	4	------78---	2 5 7 9 1 3 5 7
FIM316	48X1	01		Vật liệu xây dựng	91101	Phạm Thị Hồng Hà	111112202 ...	90	4	------78---	3 6 8 0 2 4 6
180000	48T1			Sinh hoạt lớp	92205	Ma Thị Thu Thủy	111112751	70	4	--------90-	7
180000	49C3	01		Sinh hoạt lớp	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113103	78	4	--------90-	0 3 6 9
ELE402	47G1	01		Điện tử công suất	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111542	80	5	12---------	3 6 8 0 2 4 67
TEE301	48D	08		Kỹ thuật đo lường 1	40202	Nguyễn Văn Chí	111112105	90	5	12---------	9
TEE301	48D	09		Kỹ thuật đo lường 1	40202	Nguyễn Văn Chí	111112105	90	5	12---------	1
TEE301	48D	03		Kỹ thuật đo lường 1	40202	Nguyễn Văn Chí	111112105	90	5	12---------	5
BAS109	50V	08		Toán 2(Giải tích 1)	70022	Phạm Thị Thu	111109751	5	5	12---------	3
BAS111	50X1	02		Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	112114171 ...	0	5	12---------	7
ELE528	46M			Lý thuyết điều khiển nâng cao	20209	Nguyễn Thị Thanh Nga	111110411	80	5	--34-------	23 5678901234
ELE528	46M	02		Lý thuyết điều khiển nâng cao	20209	Nguyễn Thị Thanh Nga	111110411	80	5	--34-------	67
FIM451	47D			Quản lý công nghệ	92110	Vũ Hồng Vân	111111731	80	5	----56-----	23 5678901234
FIM451	47D	02		Quản lý công nghệ	92110	Vũ Hồng Vân	111111731	80	5	----56-----	67
BAS205	49K			Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	5	------78---	2
ELE201	48I1			Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22102	Lê Thị Thu Hà	111112402	80	5	------78---	3 6 8 0 2 4 6
BAS401	48D1	09		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	5	------78---	7
180000	43M			Sinh hoạt lớp	10115	Ngô Quốc Huy	111107151	70	5	--------90-	7
180000	49DT	01		Sinh hoạt lớp	40210	Nguyễn Văn Chí	111113461	80	5	--------90-	0 3 6 9
MEC441	47V	02		Công nghệ chế tạo máy 1	12704	Phạm Quang Đồng	111111151	90	6	12---------	5
MEC441	47V	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12704	Phạm Quang Đồng	111111151	90	6	12---------	2 5 7 9 1 3
MEC204	49B	03		Cơ kỹ thuật 1	10106	Nguyễn Thị Hoa	111113103	85	6	12---------	6 8 0 2 4 6
BAS112	49F	01		Vật lý II	70109	Đồng Thị Linh	111113201	90	6	12---------	3
BAS205	49K1	14		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	6	12---------	7
TEE303	48Q			Kỹ thuật điện tử tương tự	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111112407	90	6	--34-------	3
BAS205	49C	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	6	--34-------	0
BAS205	49C	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	6	--34-------	8
BAS205	49C	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	6	--34-------	6
BAS205	49C	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	6	--34-------	2
BAS205	49C	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	6	--34-------	67
BAS205	49C	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	6	--34-------	4
MEC203	48A	03		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112131	85	6	--34-------	5 7 9 1 3 5
MEC205	48A	01		Cơ kỹ thuật 2	10106	Nguyễn Thị Hoa	111112131	85	6	--34-------	2
ELE308	48I1			Lý thuyết điều khiển tự động	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111112402	80	6	----56-----	2
FIM416	47A2	01		Cơ học Kết cấu 2	91008	Hà Thanh Tú	111109201	80	6	----56-----	1
ELE308	48I1	01		Lý thuyết điều khiển tự động	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111112402	80	6	----56-----	3 5678901234567
BAS205	49C1			Toán 3 (Giải tích 2)	70008	Nguyễn Thị Phương	111113106	85	6	------78---	2
ELE509	46Q			Quy hoạch phát triển HTĐ	20001	Nguyễn Minh Cường	111110421	80	6	------78---	1
FIM509	46B	01		Luật và chính sách môi trường	PTT3	Dương Thị Thùy Linh	111110301	70	6	------78---	5
BAS301	48I1	01		Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111112402	80	6	------78---	3 6 8 0 2 4 67

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS401	48D1	06		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	6	------78---	3
BAS401	48D1	05		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	6	------78---	1
BAS401	48D1	04		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	6	------78---	9
ELE308	BS01	02		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	6	------78---	5
ELE414	K1DT	02		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	6	------78---	7
180000	48M2			Sinh hoạt lớp	11208	Dương Công Định	111112131	80	6	--------90-	7
MEC101	49D	01		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113131	90	7	12---------	2
BAS301	48H	01		Nhiệt động lực học	30004	Lê Văn Quỳnh	111112404	80	7	12---------	3
TEE301	48L	03		Kỹ thuật đo lường 1	40209	Nguyễn Trọng Toản	111112403	90	7	12---------	678901234567
BAS205	49D			Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	7	--34-------	2
MEC303	48A	02		Nguyên lý máy	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111112131	85	7	--34-------	5
ELE201	48H	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111112404	80	7	--34-------	3 6 8 0 2 4 67
BAS401	48D1			Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	7	----56-----	1
FIM370	48G	14		Phân tích môi trường	11006	Trần Thị Bích Thảo	111112301	80	7	----56-----	5 7
MEC205	48D1	12		Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112106	85	7	------78---	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-201 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC442	47Q			Dụng cụ cắt	12723	Đặng Văn Thanh	111111113	80	2	12---------	2
ELE205	49H	02		Kỹ thuật điện đại cương	22108	Đặng Ngọc Trung	111113751	85	2	----56-----	2
ELE402	47S	01		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111431	80	2	------78---	2
BAS205	49A	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12---------	6
MEC203	48A	05		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112131	85	3	12---------	8 0 2 4 67
TEE311	48F	02		Kỹ thuật điện tử số	40004	Nguyễn Thế Cường	111112501	80	3	12---------	5 7 9 1 3 5
ELE201	48L	03		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111112403	80	3	12---------	3
BAS108	50P			Toán 1(Đại số tuyến tính)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111109412	5	3	--34-------	5 7
BAS301	48A	03		Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111112131	80	3	--34-------	6
BAS301	48A	01		Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111112131	80	3	--34-------	3
BAS301	48A	04		Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111112131	80	3	--34-------	8 0 2 4
MEC205	48A	13		Cơ kỹ thuật 2	10106	Nguyễn Thị Hoa	111112131	85	3	--34-------	6
BAS108	50P	03		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111109412	5	3	--34-------	1
BAS108	50P	04		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111109412	5	3	--34-------	3 7 9
MEC203	48D1			Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	3	----56-----	3
MEC101	49C1	03		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113106	85	3	----56-----	6 8 0 2 4 6
ELE201	48L1	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111112406	80	3	----56-----	5 7 9 1 3
ELE201	48L1	04		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111112406	80	3	----56-----	5
MEC316	BS01	13		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	3	----56-----	7
MEC521	46I1	01		Phương pháp và tiến trình thiết kế	10115	Ngô Quốc Huy	111110151	90	3	------78---	3 6 8 0 2 4 6
MEC204	49B1	03		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113104	85	3	------78---	5
MEC204	49B1	02		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113104	85	3	------78---	5 7 9 1 3
ELE308	BS01	01		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	3	------78---	7
180000	47M5			Sinh hoạt lớp	12634	Nguyễn Quang Hưng	111111151	80	3	--------90-	7
180000	47D1	01		Sinh hoạt lớp	12906	Hoàng Anh Tấn	111111141	80	3	--------90-	0 3 6 9
MEC549	46L			Thiết kế lỗ hình trục cán	10801	Hồ Ký Thanh	111110121	70	4	12---------	2 5 7 9 1 3 5 7
BAS401	48A	01		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112131	80	4	12---------	3 6 8 0 2 4 6
BAS108	50N1			Toán 1(Đại số tuyến tính)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111109411	5	4	--34-------	6 8 0 2 4 6 8
TEE304	47E	03		Cơ sở thông tin số	40106	Trần Anh Thắng	111111511	80	4	--34-------	7
TEE424	47G1	01		Đo lường và Thông tin công nghiệp	40202	Nguyễn Văn Chí	111111542	80	4	--34-------	2 5
MEC449	47X	02		Cấu tạo động cơ đốt trong	12905	Nguyễn Minh Châu	111111141	90	4	--34-------	5
BAS205	49A	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	3
BAS205	49A	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	1
BAS205	49A	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	9
BAS205	49A	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC521	46I1			Phương pháp và tiến trình thiết kế	10115	Ngô Quốc Huy	111110151	90	4	----56-----	2 5 7 9 1 3
MEC202	48P			Các quá trình gia công	12625	Nguyễn Văn Dự	111112408	85	4	----56-----	3
MEC521	46I1	02		Phương pháp và tiến trình thiết kế	10115	Ngô Quốc Huy	111110151	90	4	----56-----	5
MEC202	48P	03		Các quá trình gia công	12625	Nguyễn Văn Dự	111112408	85	4	----56-----	6 8 0 2 4 6
BAS205	49O			Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	------78---	2
BAS205	49I	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	4	------78---	5
BAS205	49K	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	4	------78---	5
ELE201	49M	04		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22106	Lê Thị Huyền Linh	111113571	80	4	------78---	7 9 1 3 7
MEC565	46I1	01		Các quá trình chế tạo và thiết bị	12715	Hoàng Vị	111110151	80	4	------78---	3 6 8 0 2 4 6
180000	48M4			Sinh hoạt lớp	12633	Đặng Anh Tuấn	111112151	80	4	--------90-	7
180000	49C2	01		Sinh hoạt lớp	10110	Đặng Văn Hiếu	111113102	81	4	--------90-	0 3 6 9
MEC101	49G			Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113301	80	5	12---------	2
BAS111	50X1			Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	112114171 ...	0	5	12---------	6
FIM521	46A	04		Thiết kế kết cấu và thi công nền móng	90902	Lại Ngọc Hùng	111110201	80	5	12---------	6
BAS205	49C	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	5	12---------	9
BAS205	49C	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	5	12---------	5
BAS205	49C	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	5	12---------	1
BAS205	49D	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	5	12---------	3
TEE301	48D	13		Kỹ thuật đo lường 1	40202	Nguyễn Văn Chí	111112105	90	5	12---------	7
MEC447	BS01	04		Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	5	12---------	7
MEC201	48X			Đại cương về kỹ thuật	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	111112201	90	5	--34-------	2
MEC549	46L	01		Thiết kế lỗ hình trục cán	10801	Hồ Ký Thanh	111110121	70	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
MEC204	49C	02		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113105	85	5	--34-------	5 7 9 1 3
BAS205	49K1	14		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-------	7
MEC565	46I1			Các quá trình chế tạo và thiết bị	12715	Hoàng Vị	111110151	80	5	----56-----	2 5 7 9 1 3
BAS205	49P	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	5	----56-----	7
MEC565	46I1	01		Các quá trình chế tạo và thiết bị	12715	Hoàng Vị	111110151	80	5	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
MEC204	49E			Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113601	85	5	------78---	3 6 8 0 2 4 67
BAS301	48I1			Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111112402	80	5	------78---	2 5 7 9 1 3
180000	48I3			Sinh hoạt lớp	20269	Vũ Văn Hùng	111112413	65	5	--------90-	7
180000	49K1	01		Sinh hoạt lớp	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111106991	64	5	--------90-	3 6 9
ELE402	47I	02		Điện tử công suất	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111411	80	6	12---------	1
FIM216	49H1	09		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	6	12---------	8 0
FIM216	49H1	10		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	6	12---------	2
TEE301	48H	04		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12---------	67
TEE301	48H	11		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12---------	4
TEE301	48H	08		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12---------	3
MEC319	CN1M	10		Máy và dụng cụ	12716	Dương Công Định	112113181	50	6	12---------	5
BAS114	50E1	03		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70916	Nguyễn Nam Hưng	115109111	80	6	12---------	1
BAS114	50E1	08		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70916	Nguyễn Nam Hưng	115109111	80	6	12---------	7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
TEE301	48L			Kỹ thuật đo lường 1	40209	Nguyễn Trọng Toản	111112403	90	6	--34-------	1
ELE402	47M	01		Điện tử công suất	20220	Lâm Hùng Sơn	111111413	80	6	--34-------	2 5 7 9 1 3 5 7
BAS205	49F	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	--34-------	0
BAS205	49F	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	--34-------	8
BAS205	49F	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	--34-------	3
BAS205	49F	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	--34-------	6
BAS205	49F	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	--34-------	2
BAS205	49F	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	--34-------	4
BAS205	49I1	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	6	--34-------	6
TEE301	48H1			Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112405	90	6	----56-----	1
TEE301	48P			Kỹ thuật đo lường 1	40209	Nguyễn Trọng Toản	111112408	90	6	----56-----	23 5678901234567
MEC511	46K	05		Ô tô – Máy kéo 3	12900	Nguyễn Kim Bình	111110141	80	6	------78---	5
ELE205	49H	02		Kỹ thuật điện đại cương	22108	Đặng Ngọc Trung	111113751	85	6	------78---	2
FIM499	47D	02		Đấu thầu	92106	Lương Mai Uyên	111111731	90	6	------78---	7
MEC203	48C1	01		Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112104	85	6	------78---	3 6 8 0 2 4 67
ELE308	BS01	08		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	6	------78---	1
ELE308	BS01	10		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	6	------78---	3
180000	49I2			Sinh hoạt lớp	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113452	66	6	--------90-	7
180000	49D4	01		Sinh hoạt lớp	20235	Nguyễn Thị Phương Chi	111106411	68	6	--------90-	3 6 9
MEC203	48X			Cơ học vật liệu	12614	Nguyễn Đình Ngọc	111112201	85	7	12---------	2 5 7 9 1 3 5 7
ELE201	49O1	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111113453	80	7	12---------	3
BAS205	49D	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	7	--34-------	6
BAS205	49D	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	7	--34-------	56
BAS205	49D	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	7	--34-------	78901
BAS205	49D	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	7	--34-------	7
BAS205	49D	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	7	--34-------	2
BAS205	49D	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	7	--34-------	45
BAS205	49D	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	7	--34-------	3
MEC101	49G	01		Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113301	80	7	--34-------	3
MEC442	47O1	01		Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111112	80	7	----56-----	5
BAS205	49B1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	7	------78---	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-202 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
ELE308	48H1			Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112405	80	2	----56-----	2
TEE425	47E			Kỹ thuật truyền số liệu	40107	Phan Thanh Hiền	111111511	80	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
MEC441	47X	03		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111141	80	3	12---------	5
MEC441	47X	02		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111141	80	3	12---------	5 7 9 1 3
BAS401	BS02	21		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	3	12---------	7
FIM422	47A1	01		Kết cấu bê tông cốt thép 1	90903	Trần Khải Hoàn	111111202	80	3	--34-------	3 6 8 0 2 4 67
MEC204	49G	02		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113301	85	3	--34-------	5
MEC204	49G	04		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113301	85	3	--34-------	9 1 3
MEC204	49G	03		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113301	85	3	--34-------	7
MEC204	49G	05		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113301	85	3	--34-------	5
MEC441	47O			Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111111	80	3	----56-----	3 5 7 9 1 3 5 7
MEC441	47O	02		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111111	80	3	----56-----	6 8 0 2 4 6
MEC442	47O	02		Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111111	80	3	------78---	67
MEC442	47O	01		Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111111	80	3	------78---	5
MEC442	47O	03		Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111111	80	3	------78---	3 5678901234
180000	46KC			Sinh hoạt lớp	12619	Lê Thị Phương Thảo	111110151	67	3	--------90-	7
180000	47M5	01		Sinh hoạt lớp	12634	Nguyễn Quang Hưng	111111151	80	3	--------90-	0 3 6 9
FIM310	47A1	01		Cơ học đất	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111111202	85	4	12---------	3 6 8 0 2 4 6
MEC449	47X	03		Cấu tạo động cơ đốt trong	12905	Nguyễn Minh Châu	111111141	90	4	12---------	7
MEC449	47X	01		Cấu tạo động cơ đốt trong	12905	Nguyễn Minh Châu	111111141	90	4	12---------	2 5 7 9 1 3
MEC441	47X	03		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111141	80	4	12---------	5
ELE402	47I			Điện tử công suất	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111411	80	4	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
BAS301	48L			Nhiệt động lực học	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111112403	80	4	--34-------	2
MEC203	48A	03		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112131	85	4	--34-------	5 7 9 1 3 5
BAS301	48L	05		Nhiệt động lực học	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111112403	80	4	--34-------	7
FIM310	47A2			Cơ học đất	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111109201	85	4	----56-----	2 5 7 9 1 3
FIM310	47A2	02		Cơ học đất	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111109201	85	4	----56-----	5
MEC101	49A1	01		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113102	85	4	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
BAS112	50X	10		Vật lý II	70109	Đồng Thị Linh	112114471	0	4	----56-----	7
MEC441	47O	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111111	80	4	------78---	2
MEC441	47O	02		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111111	80	4	------78---	6 8 0 2 4 6
MEC408	47O	02		Cơ điện tử	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111111111	80	4	------78---	5
MEC408	47O	01		Cơ điện tử	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111111111	80	4	------78---	3 5 7 9 1 3
ELE308	BS01	01		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	4	------78---	7
180000	49I4			Sinh hoạt lớp	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111113454	67	4	--------90-	7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
180000	49C1	01		Sinh hoạt lớp	10116	Lê Quang Duy	111113101	78	4	--------90-	0 3 6 9
FIM310	47A1			Cơ học đất	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111111202	85	5	12---------	2 5 7 9 1 3
FIM310	47A1	03		Cơ học đất	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111111202	85	5	12---------	7
FIM310	47A1	01		Cơ học đất	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111111202	85	5	12---------	3 6 8 0 2 4 6
TEE311	47G1			Kỹ thuật điện tử số	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111111531 ...	80	5	--34-------	2 5
ELE551	47I			Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111411	85	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
TEE311	47G1	03		Kỹ thuật điện tử số	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111111531 ...	80	5	--34-------	7 9 1 3
MEC408	47O			Cơ điện tử	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111111111	80	5	----56-----	2 6 8 0 2 4 67
MEC408	47O	01		Cơ điện tử	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111111111	80	5	----56-----	3 5 7 9 1 3
MEC442	47O			Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111111	80	5	------78---	2
MEC442	47O	02		Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111111	80	5	------78---	67
MEC442	47O	03		Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111111	80	5	------78---	3 5678901234
180000	46I4			Sinh hoạt lớp	22106	Lê Thị Huyền Linh	111110431	59	5	--------90-	7
180000	K1M	01		Sinh hoạt lớp	12610	Lý Việt Anh	112113181	50	5	--------90-	0 3 6 9
TEE316	47E			Anten và truyền sóng	40101	Lê Duy Minh	111111511	80	6	12---------	3 6 8 0 2 4 6
MEC307	48A			Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12618	Trần Thị Phương Thảo	111112131	85	6	12---------	1
BAS401	48C			Cơ học Chất lỏng	10107	Lê Xuân Long	111112103	80	6	12---------	2
BAS210	49H1	11		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	6	12---------	7
BAS401	48C	02		Cơ học Chất lỏng	10107	Lê Xuân Long	111112103	80	6	12---------	5 7 9 1 3 5
TEE301	48C			Kỹ thuật đo lường 1	40206	Ngô Phương Thanh	111112103	90	6	--34-------	23 5678901234567
MEC442	47U1			Dụng cụ cắt	12722	Cao Thanh Long	111109111	80	6	----56-----	23 5678901234567
FIM451	47D	01		Quản lý công nghệ	92110	Vũ Hồng Vân	111111731	80	6	----56-----	1
BAS401	48D1			Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	6	------78---	1
MEC441	47U1	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111109111	80	6	------78---	3 6 8 0 2 4 6
FIM499	47D	08		Đấu thầu	92106	Lương Mai Uyên	111111731	90	6	------78---	3
ELE516	46Q	01		Năng lượng mới và tái tạo	20103	Ngô Đức Minh	111110421 ...	90	6	------78---	5
180000	49CT			Sinh hoạt lớp	11212	Ngô Văn An	111113131	89	6	--------90-	7
180000	49D1	01		Sinh hoạt lớp	20231	Trần Thị Hải Yến	111106994	69	6	--------90-	3 6 9
MEC101	49B	01		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113103	85	7	12---------	2
MEC101	49D	02		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113131	90	7	12---------	5 7 9 1 3 7
BAS205	49F	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	7	12---------	3
BAS301	48H	04		Nhiệt động lực học	30004	Lê Văn Quỳnh	111112404	80	7	12---------	5
BAS404	47A1			Cơ học môi trường liên tục	10110	Đặng Văn Hiếu	111111202	80	7	--34-------	23 5678901234567
FIM364	47D			Quản trị chất lượng	92109	Nguyễn Thị Hồng Nhung	111111731	90	7	----56-----	2
MEC413	47Z	01		Sensơ và cơ cấu chấp hành	11204	Dương Quốc Khánh	111111131	100	7	----56-----	5
FIM364	47D	04		Quản trị chất lượng	92109	Nguyễn Thị Hồng Nhung	111111731	90	7	----56-----	5 7 9 1 3
TEE560	47H	01		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	42106	Đỗ Duy Cốp	111111531	70	7	------78---	3 6 8 0 2 4 6
TEE307	47H	07		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	80	7	------78---	5
TEE562	47H			Phân tích và thiết kế hệ thống	42106	Đỗ Duy Cốp	111111531	70	8	12---------	2 6 8 0 2 4 6
TEE311	47G1	01		Kỹ thuật điện tử số	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111111531 ...	80	8	--34-------	3 6 8 0 2 4 67
TEE560	47H			Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	42106	Đỗ Duy Cốp	111111531	70	8	------78---	2 5 7 9 1 3 5 7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
TEE560	47H	01		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	42106	Đỗ Duy Cốp	111111531	70	8	------78---	3 6 8 0 2 4 6

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-203 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC408	47Q1	01		Cơ điện tử	11208	Dương Công Định	111111114	80	2	12---------	2
TEE547	46Z	01		Lập trình Windows	42106	Đỗ Duy Cốp	111110531	80	2	--34-------	2
BAS101	48P			Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70908	Nguyễn Thị Vân Anh	111112408	80	2	----56-----	2
MEC442	47Q	01		Dụng cụ cắt	12723	Đặng Văn Thanh	111111113	80	3	12---------	3 5678901234567
MEC408	47Q			Cơ điện tử	11208	Dương Công Định	111111113	80	3	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
MEC441	47Q	02		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111113	80	3	--34-------	5
MEC441	47Q	03		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111113	80	3	--34-------	5 7 9 1 3
MEC441	47Q	04		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111113	80	3	--34-------	7
FIM422	47A2	01		Kết cấu bê tông cốt thép 1	90903	Trần Khải Hoàn	111109201	80	3	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
MEC408	47O1	02		Cơ điện tử	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111111112	80	3	----56-----	5 7 9 1 3 5 7
MEC441	47O1			Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111112	80	3	------78---	3 6 8 0 2 4 67
ELE201	49O	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22109	Trần Thị Thanh Thảo	111113452	80	3	------78---	5 7 9 1 3
ELE201	49O	03		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22109	Trần Thị Thanh Thảo	111113452	80	3	------78---	5
180000	47M3			Sinh hoạt lớp	11204	Dương Quốc Khánh	111111131	88	3	--------90-	7
180000	47M3	01		Sinh hoạt lớp	11204	Dương Quốc Khánh	111111131	88	3	--------90-	0 3 6 9
MEC303	48C			Nguyên lý máy	12610	Lý Việt Anh	111112103	85	4	12---------	2
MEC441	47Q	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111113	80	4	12---------	3 6 8 0 2 4 6
MEC303	48C	02		Nguyên lý máy	12610	Lý Việt Anh	111112103	85	4	12---------	5 7 9 1 3 5
MEC442	47Q			Dụng cụ cắt	12723	Đặng Văn Thanh	111111113	80	4	--34-------	2
MEC442	47Q	01		Dụng cụ cắt	12723	Đặng Văn Thanh	111111113	80	4	--34-------	3 5678901234567
ELE201	49N			Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111113531	80	4	----56-----	2 5 7 9 1 3 5 7
MEC205	48D1	05		Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112106	85	4	----56-----	8
MEC205	48D1	07		Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112106	85	4	----56-----	0
MEC205	48D1	03		Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112106	85	4	----56-----	6
MEC205	48D1	13		Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112106	85	4	----56-----	6
BAS401	48D1	10		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	4	----56-----	4
BAS401	48D1	01		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	4	----56-----	3
TEE415	47H	12		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	4	----56-----	2
MEC442	47O1			Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111112	80	4	------78---	23 5678901234
MEC442	47O1	02		Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111112	80	4	------78---	67
MEC441	47O1	02		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111112	80	4	------78---	5
180000	49I1			Sinh hoạt lớp	20004	Nguyễn Đức Tường	111113451	70	4	--------90-	7
180000	49D3	01		Sinh hoạt lớp	20216	Trần Ngọc ánh	111106996	68	4	--------90-	3 6 9
MEC441	47Q			Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111113	80	5	12---------	2
MEC408	47Q			Cơ điện tử	11208	Dương Công Định	111111113	80	5	12---------	3 6 8 0 2 4 6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC441	47Q	03		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111113	80	5	12---------	5 7 9 1 3
BAS205	49I1	14		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	5	12---------	7
FIM416	47A1			Cơ học Kết cấu 2	91001	Dương Thế Hùng	111111202	80	5	--34-------	23 5678901234
FIM416	47A1	02		Cơ học Kết cấu 2	91001	Dương Thế Hùng	111111202	80	5	--34-------	67
MEC441	47O1	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111112	80	5	----56-----	3 5 7 9 1 3
MEC204	49B1	01		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113104	85	5	----56-----	2
BAS205	49C1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70008	Nguyễn Thị Phương	111113106	85	5	----56-----	67
MEC203	48D1	05		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	5	----56-----	2
MEC203	48D1	06		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	5	----56-----	4
MEC203	48D1	02		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	5	----56-----	6
MEC203	48D1	03		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	5	----56-----	8
MEC203	48D1	04		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	5	----56-----	0
FIM301	47B	07		Các quá trình sản xuất cơ bản	70210	Nguyễn Thị Hằng	111111301	80	5	------78---	7
MEC408	47O1	01		Cơ điện tử	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111111112	80	5	------78---	3 6 8 0 2 4
MEC408	47O1	03		Cơ điện tử	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111111112	80	5	------78---	6
TEE311	48L1	01		Kỹ thuật điện tử số	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111112406	80	5	------78---	2 5 7 9 1 3
180000	49DT			Sinh hoạt lớp	40210	Nguyễn Văn Chí	111113461	80	5	--------90-	7
FIM316	48X1	02		Vật liệu xây dựng	91101	Phạm Thị Hồng Hà	111112202 ...	90	5	--------90-	5
180000	K1OT	01		Sinh hoạt lớp	30004	Lê Văn Quỳnh	112113171	50	5	--------90-	0 3 6 9
ELE401	47G			Cơ sở Truyền động điện	20220	Lâm Hùng Sơn	111111541	80	6	12---------	3 6 8 0 2 4 6
ELE402	47G1			Điện tử công suất	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111542	80	6	12---------	2 5 7 9 1 3
ELE402	47G1	02		Điện tử công suất	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111542	80	6	12---------	5
BAS205	49D	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	6	12---------	7
FIM482	47C	01		Phân tích hoạt động kinh doanh	92303	Nguyễn Trung Thành	111111751	80	6	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
MEC101	49B	03		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113103	85	6	--34-------	7 9 1 3
MEC101	49B	04		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113103	85	6	--34-------	5
MEC101	49B	02		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113103	85	6	--34-------	5
MEC101	49B	01		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113103	85	6	--34-------	2
BAS111	50X1	09		Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	112114171 ...	0	6	--34-------	7
MEC307	48D1			Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12620	Bùi Thanh Hiền	111112106	85	6	----56-----	1
MEC441	47O1	02		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111112	80	6	----56-----	5
MEC441	47O1	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111112	80	6	----56-----	3 5 7 9 1 3
TEE307	47H	08		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	80	6	----56-----	7
MEC203	BS01	12		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	----56-----	6
MEC203	BS01	03		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	----56-----	6
MEC203	BS01	05		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	----56-----	8
MEC203	BS01	09		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	----56-----	2
ENG202	BS01	13		Pre- Intermediate 2			111108111	70	6	----56-----	4
ELE402	K1DT	02		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	6	----56-----	0
MEC442	47O1			Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111112	80	6	------78---	23 5678901234
MEC442	47O1	01		Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111112	80	6	------78---	5

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC442	47O1	02		Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111112	80	6	------78---	67
180000	45I			Sinh hoạt lớp	20510	Vũ Ngọc Kiên	111109411	80	6	--------90-	7
180000	50K5			Sinh hoạt lớp	70310	Lưu Thanh Nga	111114541 ...	103	6	--------90-	0 3 6 9
BAS205	49N1			Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	7	12---------	2
BAS205	49K1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	7	12---------	3
ELE201	49P1	12		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	7	12---------	5
TEE304	47E			Cơ sở thông tin số	40106	Trần Anh Thắng	111111511	80	7	--34-------	2
TEE304	47E	02		Cơ sở thông tin số	40106	Trần Anh Thắng	111111511	80	7	--34-------	5 7 9 1 3 5
BAS205	49B	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113103	85	7	--34-------	3
MEC316	BS01	11		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	7	----56-----	5
BAS111	50N	01		Vật lý I	70112	Nguyễn Thanh Tùng	111109116	5	7	------78---	5 7 9 1 3 5 7

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-204 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC441	47X			Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111141	80	2	12---------	2
MEC441	47Q			Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111113	80	2	--34-------	2
FIM208	48V			Quản trị học	92104	Trần Thị Thu Huyền	111112731	80	2	----56-----	2
TEE303	48H1	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40013	Nguyễn Hoàng Việt	111112405	90	2	------78---	2
MEC408	47Q1			Cơ điện tử	11208	Dương Công Định	111111114	80	3	12---------	3 6 8 0 2 4 67
MEC408	47Q1	03		Cơ điện tử	11208	Dương Công Định	111111114	80	3	12---------	5
MEC408	47Q1	02		Cơ điện tử	11208	Dương Công Định	111111114	80	3	12---------	5 7 9 1 3
MEC442	47Q1	01		Dụng cụ cắt	12723	Đặng Văn Thanh	111111114	80	3	--34-------	3 5678901234567
FIM363	47D			Quản trị chuỗi cung ứng	92105	Phạm Thị Minh Khuyên	111111731	80	3	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
BAS205	49C1	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70008	Nguyễn Thị Phương	111113106	85	3	----56-----	5
TEE415	47H	02		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	3	----56-----	5
TEE415	47H	04		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	3	----56-----	9
TEE415	47H	03		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	3	----56-----	7
BAS401	BS01	18		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	3	----56-----	3
BAS401	BS01	16		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	3	----56-----	1
BAS104	50Q1	10		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	3	----56-----	7
MEC442	47U	01		Dụng cụ cắt	12722	Cao Thanh Long	111111115	80	3	------78---	3 5678901234567
180000	46M4			Sinh hoạt lớp	12714	Hoàng Trung Kiên	111110115	70	3	--------90-	7
180000	47I4	01		Sinh hoạt lớp	20506	Trần Thị Thanh Nga	111111441	39	3	--------90-	0 3 6 9
MEC442	47Q1			Dụng cụ cắt	12723	Đặng Văn Thanh	111111114	80	4	12---------	2
MEC442	47Q1	01		Dụng cụ cắt	12723	Đặng Văn Thanh	111111114	80	4	12---------	3 5678901234567
MEC441	47Q1			Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111114	80	4	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
MEC441	47Q1	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111114	80	4	--34-------	2 5 7 9 1 3 5 7
MEC441	47U			Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111115	80	4	----56-----	3 6 8 0 2 4 67
MEC441	47U	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111115	80	4	----56-----	2 5 7 9 1 3 5
MEC442	47U			Dụng cụ cắt	12722	Cao Thanh Long	111111115	80	4	------78---	2
MEC442	47U	01		Dụng cụ cắt	12722	Cao Thanh Long	111111115	80	4	------78---	3 5678901234567
180000	49SK			Sinh hoạt lớp	50105	Nguyễn Thị Thu	111113601	72	4	--------90-	7
180000	49C5	01		Sinh hoạt lớp	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111113105	73	4	--------90-	0 3 6 9
MEC441	47Q1			Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111114	80	5	12---------	3 6 8 0 2 4 6
MEC532	46F1	03		Công nghệ Chế tạo máy 1	12705	Dương Trọng Đại	111110116	90	5	12---------	7
MEC408	47Q1	01		Cơ điện tử	11208	Dương Công Định	111111114	80	5	12---------	2
MEC408	47Q1	02		Cơ điện tử	11208	Dương Công Định	111111114	80	5	12---------	5 7 9 1 3
TEE424	47F	03		Đo lường và Thông tin công nghiệp	40212	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	111111521	80	5	--34-------	7
BAS301	47R	01		Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111421	90	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
FIM483	47C	01		Tổ chức công tác kế toán	92209	Đoàn Quang Thiệu	111111751	80	5	--34-------	2 5 7 9 1 3
BAS104	50P1			Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109413	5	5	----56-----	5 7 9 1 3 7
BAS205	49I	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	5	----56-----	2
BAS205	49I	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	5	----56-----	6
BAS108	50X	10		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	5	----56-----	4
TEE408	K1DT	08		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	5	----56-----	6
TEE408	K1DT	03		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	5	----56-----	0
TEE408	K1DT	02		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	5	----56-----	8
MEC408	47U			Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111111115	80	5	------78---	2 5 7 9 1 3
MEC408	47U	03		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111111115	80	5	------78---	7
MEC408	47U	01		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111111115	80	5	------78---	3 6 8 0 2 4 6
180000	K1M			Sinh hoạt lớp	12610	Lý Việt Anh	112113181	50	5	--------90-	7
180000	L12I	01		Sinh hoạt lớp	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	115112411	70	5	--------90-	0 3 6 9
BAS404	47A			Cơ học môi trường liên tục	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111111201	80	6	12---------	23 5678901234567
ELE401	47G1			Cơ sở Truyền động điện	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111542	85	6	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
FIM204	49H1	01		Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111113752	80	6	--34-------	2 5 7 9 1 3 7
FIM334	47D			Tài chính doanh nghiệp	92313	Trần Thị Quỳnh Trang	111111731	90	6	----56-----	2
MEC408	47U	01		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111111115	80	6	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
MEC204	49F1	02		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113202	85	6	----56-----	5
FIM334	47D	03		Tài chính doanh nghiệp	92313	Trần Thị Quỳnh Trang	111111731	90	6	----56-----	5 7 9 1 3
TEE303	48H1			Kỹ thuật điện tử tương tự	40013	Nguyễn Hoàng Việt	111112405	90	6	------78---	3 6 8 0 2 4 67
MEC441	47U	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111111115	80	6	------78---	2 5 7 9 1 3 5
FIM434	48V1			Kiểm toán căn bản	92205	Ma Thị Thu Thủy	111112751	80	7	12---------	3
TEE562	47H			Phân tích và thiết kế hệ thống	42106	Đỗ Duy Cốp	111111531	70	7	12---------	2 6 8 0 2 4 6
TEE301	48F	03		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112501	90	7	12---------	5
BAS205	49C			Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	23
ELE551	47N	03		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20208	Nguyễn Thị Chinh	111111414	85	7	----56-----	5
MEC307	BS01	12		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	7	------78---	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-301 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
FIM310	47A			Cơ học đất	90902	Lại Ngọc Hùng	111111201	85	2	12---------	2
MEC442	47Q1			Dụng cụ cắt	12723	Đặng Văn Thanh	111111114	80	2	--34-------	2
BAS205	49A1			Toán 3 (Giải tích 2)	70012	Lê Bích Ngọc	111113102	85	2	----56-----	2
MEC204	48P			Cơ kỹ thuật 1	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111112408	85	2	------78---	2
MEC441	47V			Công nghệ chế tạo máy 1	12704	Phạm Quang Đồng	111111151	90	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
MEC304	47V	02		Vật liệu kỹ thuật	10404	Vũ Lai Hoàng	111111151	90	3	12---------	5 7 9 1 3
MEC304	47V	03		Vật liệu kỹ thuật	10404	Vũ Lai Hoàng	111111151	90	3	12---------	5
ELE525	46M	01		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20200	Nguyễn Như Hiển	111110411	85	3	--34-------	3 5678901234567
MEC204	49E	02		Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113601	85	3	----56-----	5 7 9 1 3 5
MEC204	49B1			Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113104	85	3	------78---	3 6 8 0 2 4 67
MEC204	48P	02		Cơ kỹ thuật 1	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111112408	85	3	------78---	5 7 9 1 3
MEC204	48P	03		Cơ kỹ thuật 1	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111112408	85	3	------78---	5
180000	46M1			Sinh hoạt lớp	12729	Ngô Minh Tuấn	111110111	63	3	--------90-	7
180000	47I3	01		Sinh hoạt lớp	22109	Trần Thị Thanh Thảo	111111431	50	3	--------90-	0 3 6 9
BAS205	49G			Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113301	85	4	12---------	2
MEC304	47V	01		Vật liệu kỹ thuật	10404	Vũ Lai Hoàng	111111151	90	4	12---------	3 6 8 0 2 4 67
BAS205	49C	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	4	12---------	7
BAS205	49C	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	4	12---------	5
MEC204	49D	04		Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113131	85	4	12---------	5
ELE201	49P1	10		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	4	12---------	3
ELE201	49P1	06		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	4	12---------	9
ELE201	49P1	08		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	4	12---------	1
FIM334	47C			Tài chính doanh nghiệp	92313	Trần Thị Quỳnh Trang	111111751	90	4	--34-------	2
MEC521	47V	01		Phương pháp và tiến trình thiết kế	12625	Nguyễn Văn Dự	111111151	90	4	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
FIM334	47C	02		Tài chính doanh nghiệp	92313	Trần Thị Quỳnh Trang	111111751	90	4	--34-------	5 7 9 1 3 5
BAS109	50V	07		Toán 2(Giải tích 1)	70022	Phạm Thị Thu	111109751	5	4	--34-------	7
MEC442	47U1			Dụng cụ cắt	12722	Cao Thanh Long	111109111	80	4	----56-----	23 5678901234567
ELE402	47K			Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111412	80	4	------78---	3 6 8 0 2 4 6
BAS301	48L1			Nhiệt động lực học	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111112406	80	4	------78---	2 5 7 9 1 3 5 7
180000	49C5			Sinh hoạt lớp	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111113105	73	4	--------90-	7
180000	49D5	01		Sinh hoạt lớp	20004	Nguyễn Đức Tường	111106421	85	4	--------90-	3 6 9
MEC441	47V			Công nghệ chế tạo máy 1	12704	Phạm Quang Đồng	111111151	90	5	12---------	3 6 8 0 2 4 6
ELE302	48F	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	22102	Lê Thị Thu Hà	111112501	80	5	12---------	2 5 7 9 1 3
MEC304	47V			Vật liệu kỹ thuật	10404	Vũ Lai Hoàng	111111151	90	5	--34-------	2

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
TEE316	47E	03		Anten và truyền sóng	40101	Lê Duy Minh	111111511	80	5	--34-------	7
MEC304	47V	02		Vật liệu kỹ thuật	10404	Vũ Lai Hoàng	111111151	90	5	--34-------	5 7 9 1 3
MEC203	48C	01		Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112103	85	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
MEC408	47U1	04		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111109111	80	5	----56-----	7
MEC408	47U1	01		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111109111	80	5	----56-----	5 7 9 1 3
MEC408	47U1	02		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111109111	80	5	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
ELE201	48L1	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111112406	80	5	----56-----	2
MEC204	48P			Cơ kỹ thuật 1	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111112408	85	5	------78---	2
MEC441	47U1	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111109111	80	5	------78---	3 6 8 0 2 4 6
MEC204	48P	02		Cơ kỹ thuật 1	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111112408	85	5	------78---	5 7 9 1 3
180000	48T2			Sinh hoạt lớp	92110	Vũ Hồng Vân	111112731	70	5	--------90-	7
180000	LT12	01		Sinh hoạt lớp	12717	Vũ Như Nguyệt	115112121 ...	80	5	--------90-	0 3 6 9
TEE311	47F	05		Kỹ thuật điện tử số	40003	Mai Trung Thái	111111521	80	6	12---------	7
MEC204	49C	02		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113105	85	6	12---------	5 7 9 1 3
MEC204	49C	04		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113105	85	6	12---------	5
MEC204	49C	01		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113105	85	6	12---------	2
BAS301	48L	03		Nhiệt động lực học	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111112403	80	6	12---------	6 8 0 2 4 6
FIM501	48G	01		Quản trị doanh nghiệp CN	92110	Vũ Hồng Vân	111112301	80	6	12---------	3
MEC521	47V			Phương pháp và tiến trình thiết kế	12625	Nguyễn Văn Dự	111111151	90	6	--34-------	2 5 7 9 1 3 5
ELE201	48Q	03		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22103	Đặng Danh Hoằng	111112407	80	6	--34-------	6 8 0 2 4 6
FIM319	48V1	01		Kế toán tài chính I	92202	Nguyễn Thị Kim Huyền	111112751	90	6	--34-------	3
FIM497	48V			Giao tiếp kinh doanh	92310	Nguyễn Phương Huyền	111112731	80	6	----56-----	2 5 7 9 1 3
MEC408	47U	02		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111111115	80	6	----56-----	5
MEC201	48X1	01		Đại cương về kỹ thuật	12611	Lê Xuân Hưng	111112202 ...	90	6	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
MEC408	47U1	04		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111109111	80	6	------78---	7
MEC408	47U1	03		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111109111	80	6	------78---	5
MEC408	47U1	01		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111109111	80	6	------78---	5 7 9 1 3
BAS101	48P	01		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70908	Nguyễn Thị Vân Anh	111112408	80	6	------78---	3
BAS101	48P	03		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70915	Trương Thị Thùy Liên	111112408	80	6	------78---	6 8 0 2 4 6
ELE401	47G	02		Cơ sở Truyền động điện	20220	Lâm Hùng Sơn	111111541	80	7	12---------	5
FIM204	49H1	01		Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111113752	80	7	12---------	2 5 7 9 1 3 7
MEC203	48X	01		Cơ học vật liệu	12614	Nguyễn Đình Ngọc	111112201	85	7	12---------	3 6 8 0 2 4 6
BAS205	49I1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	7	--34-------	3
ELE302	48F	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	22102	Lê Thị Thu Hà	111112501	80	7	--34-------	2 5 7 9 1 3
ELE302	48F	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	22102	Lê Thị Thu Hà	111112501	80	7	--34-------	5

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-302 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
TEE311	48F	01		Kỹ thuật điện tử số	40004	Nguyễn Thế Cường	111112501	80	2	12---------	2
MEC204	49G	01		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113301	85	2	--34-------	2
TEE415	47H			Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	2	----56-----	2
MEC441	47X	01		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111141	80	3	12---------	3 6 8 0 2 4 67
MEC203	48D	02		Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112105	85	3	12---------	5 7 9 1 3 5
MEC448	47X	03		Lý thuyết ô tô - máy kéo	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111111141	80	3	--34-------	5
MEC448	47X	02		Lý thuyết ô tô - máy kéo	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111111141	80	3	--34-------	5 7 9 1 3
MEC408	47X	01		Cơ điện tử	11205	Vũ Đức Vương	111111141	80	3	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
BAS205	49B	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113103	85	3	--34-------	7
TEE311	47Z			Kỹ thuật điện tử số	40008	Bạch Văn Nam	111111131	100	3	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
BAS101	48P	02		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70915	Trương Thị Thùy Liên	111112408	80	3	----56-----	5 7 9 1 3 5 7
MEC458	47Z	01		Rô bốt công nghiệp	11210	Phạm Thành Long	111111131	100	3	------78---	3 6 8 0 2 4 67
MEC458	47Z	03		Rô bốt công nghiệp	11210	Phạm Thành Long	111111131	100	3	------78---	5 7 9 1 3
MEC458	47Z	02		Rô bốt công nghiệp	11210	Phạm Thành Long	111111131	100	3	------78---	5
180000	48I6			Sinh hoạt lớp	20511	Vũ Xuân Tùng	111112441	30	3	--------90-	7
180000	47I2	01		Sinh hoạt lớp	20009	Đoàn Kim Tuấn	111111421	81	3	--------90-	0 3 6 9
TEE411	47F			Kỹ thuật mạch điện tử	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111111521	100	4	12---------	2 5 7 9 1 3 5
MEC449	47X			Cấu tạo động cơ đốt trong	12905	Nguyễn Minh Châu	111111141	90	4	12---------	3 6 8 0 2 4 6
MEC532	46F1	03		Công nghệ Chế tạo máy 1	12705	Dương Trọng Đại	111110116	90	4	12---------	7
MEC521	47V	02		Phương pháp và tiến trình thiết kế	12625	Nguyễn Văn Dự	111111151	90	4	--34-------	7
MEC408	47X	01		Cơ điện tử	11205	Vũ Đức Vương	111111141	80	4	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
TEE311	48F	01		Kỹ thuật điện tử số	40004	Nguyễn Thế Cường	111112501	80	4	--34-------	2
TEE311	48F	02		Kỹ thuật điện tử số	40004	Nguyễn Thế Cường	111112501	80	4	--34-------	5 7 9 1 3 5
TEE303	47Z			Kỹ thuật điện tử tương tự	40109	Nguyễn Phương Huy	111111131	100	4	----56-----	2 5 7 9 1 3
MEC528	46G	01		Tự động hoá gia công	12728	Nguyễn Thuấn	111110117	90	4	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
TEE303	47Z	02		Kỹ thuật điện tử tương tự	40109	Nguyễn Phương Huy	111111131	100	4	----56-----	5
BAS205	49B1	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	7
BAS205	49N			Toán 3 (Giải tích 2)	70020	Hoàng Thanh Nga	111113531	85	4	------78---	2
BAS205	49N	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70020	Hoàng Thanh Nga	111113531	85	4	------78---	3
BAS205	49N	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70020	Hoàng Thanh Nga	111113531	85	4	------78---	5678901234567
180000	49C4			Sinh hoạt lớp	12801	Nguyễn Thành Công	111113104	78	4	--------90-	7
180000	49SK	01		Sinh hoạt lớp	50105	Nguyễn Thị Thu	111113601	72	4	--------90-	0 3 6 9
ELE401	47G			Cơ sở Truyền động điện	20220	Lâm Hùng Sơn	111111541	80	5	12---------	3 6 8 0 2 4 6
MEC448	47X			Lý thuyết ô tô - máy kéo	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111111141	80	5	12---------	2
MEC441	47V	03		Công nghệ chế tạo máy 1	12704	Phạm Quang Đồng	111111151	90	5	12---------	7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC448	47X	02		Lý thuyết ô tô - máy kéo	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111111141	80	5	12---------	5 7 9 1 3
MEC441	47X			Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111141	80	5	--34-------	2
MEC441	47X	02		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111141	80	5	--34-------	5 7 9 1 3
BAS401	48D	01		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112105	80	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
FIM330	48V	06	1	Luật kinh doanh	92307	Ngô T. Hồng ánh	111112751 ...	90	5	--34-------	7
TEE311	47Z	03		Kỹ thuật điện tử số	40008	Bạch Văn Nam	111111131	100	5	----56-----	7
TEE311	47Z	01		Kỹ thuật điện tử số	40008	Bạch Văn Nam	111111131	100	5	----56-----	2 5 7 9 1 3
BAS205	49I	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	5	----56-----	3
MEC203	48D1	07		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	5	----56-----	6
ELE308	BS01	03		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	5	----56-----	6
MEC205	BS01	07		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	5	----56-----	0
MEC205	BS01	05		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	5	----56-----	8
MEC205	BS01	11		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	5	----56-----	4
MEC205	BS01	09		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	5	----56-----	2
TEE303	47Z			Kỹ thuật điện tử tương tự	40109	Nguyễn Phương Huy	111111131	100	5	------78---	2 5 7 9 1 3
TEE311	48L1			Kỹ thuật điện tử số	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111112406	80	5	------78---	3 6 8 0 2 4 67
180000	K1OT			Sinh hoạt lớp	30004	Lê Văn Quỳnh	112113171	50	5	--------90-	7
180000	5K10			Sinh hoạt lớp	70911	Hoàngthi Hải Yến	111114141 ...	87	5	--------90-	0
FIM501	47X			Quản trị doanh nghiệp CN	92108	Ma Thế Ngàn	111111141	100	6	12---------	23 5678901234567
MEC449	47X			Cấu tạo động cơ đốt trong	12905	Nguyễn Minh Châu	111111141	90	6	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
MEC408	47X			Cơ điện tử	11205	Vũ Đức Vương	111111141	80	6	--34-------	2 5 7 9 1 3 5 7
MEC413	47Z			Sensơ và cơ cấu chấp hành	11204	Dương Quốc Khánh	111111131	100	6	----56-----	23 5678901234
FIM310	47A2	02		Cơ học đất	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111109201	85	6	----56-----	5
MEC413	47Z	02		Sensơ và cơ cấu chấp hành	11204	Dương Quốc Khánh	111111131	100	6	----56-----	67
MEC458	47Z			Rô bốt công nghiệp	11210	Phạm Thành Long	111111131	100	6	------78---	2
TEE311	47Z			Kỹ thuật điện tử số	40008	Bạch Văn Nam	111111131	100	6	------78---	3 6 8 0 2 4 6
ELE502	46Q	11		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	6	------78---	7
MEC458	47Z	03		Rô bốt công nghiệp	11210	Phạm Thành Long	111111131	100	6	------78---	5 7 9 1 3
ELE201	49O	03		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22109	Trần Thị Thanh Thảo	111113452	80	6	------78---	5
MEC101	49C	01		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113105	85	7	12---------	3
BAS205	49M1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70020	Hoàng Thanh Nga	111113572	85	7	12---------	5678901234567
BAS205	49D	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	7	--34-------	3
MEC101	49F	02		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113201	85	7	--34-------	5 7
MEC204	49G	05		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113301	85	7	--34-------	5
BAS112	49F1	02		Vật lý II	70112	Nguyễn Thanh Tùng	111113202	90	7	----56-----	5 7 9 1 3 5

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-303 (Sức Chứa: 100)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
FIM425	47A1			Kiến trúc công nghiệp	91004	Đào Đăng Quang	111111202	85	2	12---------	2
MEC448	47X			Lý thuyết ô tô - máy kéo	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111111141	80	2	--34-------	2
ELE529	46H	02		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	2	--34-------	5
MEC101	49C1	01		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113106	85	2	----56-----	2
BAS205	49I			Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	2	------78---	2
ELE550	46N1	01		Điều khiển số truyền động điện	20230	Nguyễn Ngọc Kiên	111110414	90	2	------78---	5
ELE551	47I			Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111411	85	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
ELE550	46H	06		Điều khiển số truyền động điện	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111109415	90	3	12---------	7
ELE401	47I	02		Cơ sở Truyền động điện	20223	Ngô Minh Đức	111111411	80	3	12---------	5 7 9 1 3 5
ELE402	47I			Điện tử công suất	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111411	80	3	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
ELE401	47G1	02		Cơ sở Truyền động điện	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111542	85	3	--34-------	5 7 9 1 3 5 7
BAS112	49F1	02		Vật lý II	70112	Nguyễn Thanh Tùng	111113202	90	3	----56-----	5 7 9 1 3 5
TEE321	47H	01		Xử lý ảnh	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	50	3	----56-----	3 6 8 0 2 4 67
BAS205	49F1	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	3	------78---	0
BAS205	49N	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70020	Hoàng Thanh Nga	111113531	85	3	------78---	3
BAS205	49P	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	3	------78---	6
BAS205	49P	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	3	------78---	2
BAS205	49P	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	3	------78---	6
BAS205	49P	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	3	------78---	8
TEE303	48L1	02		Kỹ thuật điện tử tương tự	40003	Mai Trung Thái	111112406	90	3	------78---	5 7 9 1 3 5 7
ELE402	K1DT	07		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	3	------78---	4
180000	47T1			Sinh hoạt lớp	40210	Nguyễn Văn Chí	111111541 ...	120	3	--------90-	7
180000	47T1	01		Sinh hoạt lớp	40210	Nguyễn Văn Chí	111111541 ...	120	3	--------90-	0 3 6 9
ELE310	47I			Khí cụ điện	20501	Cao Xuân Tuyển	111111411	85	4	12---------	23 5678901234567
TEE424	47G1			Đo lường và Thông tin công nghiệp	40202	Nguyễn Văn Chí	111111542	80	4	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
ELE401	47I			Cơ sở Truyền động điện	20223	Ngô Minh Đức	111111411	80	4	--34-------	2
ELE401	47I	02		Cơ sở Truyền động điện	20223	Ngô Minh Đức	111111411	80	4	--34-------	5 7 9 1 3 5
TEE321	47H			Xử lý ảnh	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	50	4	----56-----	2 5 7 9 1 3 5
MEC204	49C1	01		Cơ kỹ thuật 1	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111113106	85	4	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
TEE533	46S	02		Điều khiển các quá trình Công nghệ	40202	Nguyễn Văn Chí	111110541	100	4	----56-----	7
FIM208	48V			Quản trị học	92104	Trần Thị Thu Huyền	111112731	80	4	------78---	2
BAS205	49O	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	------78---	3
FIM208	48V	02		Quản trị học	92104	Trần Thị Thu Huyền	111112731	80	4	------78---	5 7 9 1 3 5
MEC203	BS01	07		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	------78---	0
MEC307	BS01	09		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	2

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC307	BS01	11		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	4
MEC307	BS01	14		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	7
MEC307	BS01	13		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	6
MEC307	BS01	03		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	6
MEC307	BS01	05		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	8
180000	46DT			Sinh hoạt lớp	40209	Nguyễn Trọng Toản	111110541 ...	120	4	--------90-	7
180000	46DT	01		Sinh hoạt lớp	40209	Nguyễn Trọng Toản	111110541 ...	120	4	--------90-	0 3 6 9
ELE414	47I			Hệ thống cung cấp điện	20018	Nguyễn Thị Thanh Thủy	111111411	85	5	12---------	23 5678901234
ELE414	47I	02		Hệ thống cung cấp điện	20018	Nguyễn Thị Thanh Thủy	111111411	85	5	12---------	67
ELE402	47F			Điện tử công suất	20220	Lâm Hùng Sơn	111111521	80	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
ELE551	47I	03		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111411	85	5	--34-------	7
ELE551	47I	01		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111411	85	5	--34-------	2 5 7 9 1 3
MEC501	46K	01		Dao động và ổn định Ô tô - Máy kéo	30004	Lê Văn Quỳnh	111110141	80	5	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
ELE302	48P	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	22102	Lê Thị Thu Hà	111112408	80	5	----56-----	2 5 7 9 1 3
MEC303	48D1	14		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111112106	85	5	----56-----	7
MEC101	49E	01		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113601	85	5	------78---	2 5 7 9 1 3
MEC101	49F1	01		Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113202	85	5	------78---	3 6 8 0 2 4 6
180000	46M5			Sinh hoạt lớp	12728	Nguyễn Thuấn	111110116 ...	120	5	--------90-	7
180000	46I1	01		Sinh hoạt lớp	20303	Đỗ Thị Phương Thảo	111110411 ...	120	5	--------90-	0 3 6 9
BAS205	49K1			Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	6	12---------	2
ELE551	47I	02		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111411	85	6	12---------	5
ELE401	47I	01		Cơ sở Truyền động điện	20223	Ngô Minh Đức	111111411	80	6	12---------	3 6 8 0 2 4 67
BAS205	49F	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	12---------	9
BAS205	49F	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	12---------	5
BAS205	49F	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	12---------	1
BAS205	49F	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	12---------	3
BAS205	49F	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	12---------	7
ELE414	47I			Hệ thống cung cấp điện	20018	Nguyễn Thị Thanh Thủy	111111411	85	6	--34-------	23 5678901234
ELE414	47I	02		Hệ thống cung cấp điện	20018	Nguyễn Thị Thanh Thủy	111111411	85	6	--34-------	67
ELE414	47I	01		Hệ thống cung cấp điện	20018	Nguyễn Thị Thanh Thủy	111111411	85	6	--34-------	5
TEE321	47H			Xử lý ảnh	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	50	6	----56-----	2 5 7 9 1 3 5
FIM216	49H	01		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113751	80	6	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
ELE402	K1DT	09		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	6	----56-----	7
MEC408	47O	02		Cơ điện tử	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111111111	80	6	------78---	5
BAS205	49C1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70008	Nguyễn Thị Phương	111113106	85	6	------78---	5678901234
BAS205	49C1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70008	Nguyễn Thị Phương	111113106	85	6	------78---	3
BAS401	48D1	07		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	6	------78---	6
180000	50K2			Sinh hoạt lớp	70312	Vũ Thị Hoa	111114103 ...	120	6	--------90-	0
180000	50K2	03		Sinh hoạt lớp	70312	Vũ Thị Hoa	111114103 ...	120	6	--------90-	9
180000	50K2	02		Sinh hoạt lớp	70312	Vũ Thị Hoa	111114103 ...	120	6	--------90-	6
180000	50K2	01		Sinh hoạt lớp	70312	Vũ Thị Hoa	111114103 ...	120	6	--------90-	3

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC307	48D			Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12618	Trần Thị Phương Thảo	111112105	85	7	12---------	23 5678901234567
BAS401	48D	02		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112105	80	7	--34-------	5
MEC203	48D	01		Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112105	85	7	--34-------	2
ELE529	46M	08		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110411 ...	95	7	--34-------	9
MEC204	48P	03		Cơ kỹ thuật 1	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111112408	85	7	----56-----	5
ELE550	46H	01		Điều khiển số truyền động điện	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111109415	90	8	--34-------	5
ELE529	46H	06		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	8	--34-------	89
ELE529	46H	03		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	8	--34-------	67

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-304 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
ELE308	48H			Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112404	80	2	12---------	2
ELE401	47G1	01		Cơ sở Truyền động điện	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111542	85	2	--34-------	2
ELE402	47M			Điện tử công suất	20220	Lâm Hùng Sơn	111111413	80	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
ELE401	47M	02		Cơ sở Truyền động điện	20303	Đỗ Thị Phương Thảo	111111413	80	3	12---------	5 7 9 1 3 5
ELE551	47M			Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111413	85	3	--34-------	3 5 7 9 1 3
ELE551	47M	02		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111413	85	3	--34-------	5
BAS301	48H	02		Nhiệt động lực học	30004	Lê Văn Quỳnh	111112404	80	3	--34-------	6 8 0 2 4 6
ELE551	47K	02		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111412	85	3	----56-----	5
ELE551	47K	03		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111412	85	3	----56-----	5 7 9 1 3
BAS205	49A1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70012	Lê Bích Ngọc	111113102	85	3	----56-----	3
ELE201	48L1	03		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111112406	80	3	----56-----	6 8 0 2 4 67
ELE402	47K			Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111412	80	3	------78---	3 6 8 0 2 4 6
ELE401	47K	02		Cơ sở Truyền động điện	20223	Ngô Minh Đức	111111412	85	3	------78---	5 7 9 1 3 5
180000	47I2			Sinh hoạt lớp	20009	Đoàn Kim Tuấn	111111421	81	3	--------90-	7
180000	49C6	01		Sinh hoạt lớp	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111113106	91	3	--------90-	0 3 6 9
ELE402	47M			Điện tử công suất	20220	Lâm Hùng Sơn	111111413	80	4	12---------	3 6 8 0 2 4 6
ELE401	47M			Cơ sở Truyền động điện	20303	Đỗ Thị Phương Thảo	111111413	80	4	12---------	2
ELE401	47M	02		Cơ sở Truyền động điện	20303	Đỗ Thị Phương Thảo	111111413	80	4	12---------	5 7 9 1 3 5
BAS401	48A	04		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112131	80	4	12---------	7
ELE310	47M			Khí cụ điện	20501	Cao Xuân Tuyển	111111413	85	4	--34-------	23 5678901234567
ELE310	47K			Khí cụ điện	20501	Cao Xuân Tuyển	111111412	85	4	----56-----	23 5678901234567
ELE401	47K			Cơ sở Truyền động điện	20223	Ngô Minh Đức	111111412	85	4	------78---	2
ELE401	47K	02		Cơ sở Truyền động điện	20223	Ngô Minh Đức	111111412	85	4	------78---	5 7 9 1 3 5
MEC101	49F1	01		Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113202	85	4	------78---	3 6 8 0 2 4 6
180000	5K14			Sinh hoạt lớp	70916	Nguyễn Nam Hưng	111114132	48	4	--------90-	0 3 6 9
ELE551	47M			Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111413	85	5	12---------	3 5 7 9 1 3
ELE551	47M	01		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111413	85	5	12---------	2 6 8 0 2 4 67
ELE414	47M			Hệ thống cung cấp điện	20009	Đoàn Kim Tuấn	111111413	85	5	--34-------	23 5678901234
ELE414	47M	02		Hệ thống cung cấp điện	20009	Đoàn Kim Tuấn	111111413	85	5	--34-------	67
ELE414	47K			Hệ thống cung cấp điện	20004	Nguyễn Đức Tường	111111412	85	5	----56-----	2
ELE414	47K	03		Hệ thống cung cấp điện	20004	Nguyễn Đức Tường	111111412	85	5	----56-----	3 5678901234
BAS205	49F1	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	5	----56-----	67
ELE551	47K			Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111412	85	5	------78---	2
ELE551	47K	03		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111412	85	5	------78---	5 7 9 1 3
ELE551	47K	01		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20311	Bùi Tuấn Anh	111111412	85	5	------78---	3 6 8 0 2 4 67

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
180000	5K15			Sinh hoạt lớp			112114472	62	5	--------90-	0 3 6 9
ELE414	47M			Hệ thống cung cấp điện	20009	Đoàn Kim Tuấn	111111413	85	6	12---------	23 5678901234
ELE414	47M	01		Hệ thống cung cấp điện	20009	Đoàn Kim Tuấn	111111413	85	6	12---------	5
ELE414	47M	02		Hệ thống cung cấp điện	20009	Đoàn Kim Tuấn	111111413	85	6	12---------	67
BAS205	49C			Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	6	--34-------	23
MEC204	49D	02		Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113131	85	6	--34-------	5
ELE201	49P1	13		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	6	--34-------	67
ELE201	49P1	03		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	6	--34-------	6
ELE309	48L	05		Vật liệu điện	20508	Nguyễn Tiến Dũng	111112403	85	6	--34-------	789
ELE309	48L	03		Vật liệu điện	20508	Nguyễn Tiến Dũng	111112403	85	6	--34-------	01234
FIM212	48G	11		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-------	5
ELE402	47K	01		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111412	80	6	----56-----	2 5 7 9 1 3 5
MEC204	49C1	01		Cơ kỹ thuật 1	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111113106	85	6	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
ELE414	47K			Hệ thống cung cấp điện	20004	Nguyễn Đức Tường	111111412	85	6	------78---	2
ELE414	47K	03		Hệ thống cung cấp điện	20004	Nguyễn Đức Tường	111111412	85	6	------78---	3 5678901234
ELE414	47K	02		Hệ thống cung cấp điện	20004	Nguyễn Đức Tường	111111412	85	6	------78---	67
ELE414	47K	01		Hệ thống cung cấp điện	20004	Nguyễn Đức Tường	111111412	85	6	------78---	5
BAS205	49M1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70020	Hoàng Thanh Nga	111113572	85	7	12---------	3
ELE201	49P1	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	7	12---------	2
FIM370	48G	07		Phân tích môi trường	11006	Trần Thị Bích Thảo	111112301	80	7	12---------	567
BAS205	49P1			Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113455	85	7	--34-------	23 5678901234567

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-401 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
FIM425	47A			Kiến trúc công nghiệp	91002	Nguyễn Xuân Thành	111111201	85	2	--34-------	2
MEC204	49E	01		Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113601	85	2	----56-----	2
FIM425	47A2			Kiến trúc công nghiệp	91003	Ngô Thị Thu Huyền	111109201	85	2	------78---	2
ELE401	47R			Cơ sở Truyền động điện	20225	Nguyễn Hồng Quang	111111421	90	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
BAS401	48A	03		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112131	80	3	12---------	5
BAS401	48A	02		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112131	80	3	12---------	5 7 9 1 3
ELE402	47R	01		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111421	80	3	--34-------	3 6 8 0 2 4 67
ELE402	47R	02		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111421	80	3	--34-------	5 7 9 1 3 5
ELE402	47N			Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111414 ...	80	3	----56-----	3 6
ELE402	47N	06		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111414 ...	80	3	----56-----	6
ELE402	47N	05		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111414 ...	80	3	----56-----	4
ELE402	47N	04		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111414 ...	80	3	----56-----	8
ELE402	47N	03		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111414 ...	80	3	----56-----	2
ELE401	47N	02		Cơ sở Truyền động điện	20225	Nguyễn Hồng Quang	111111414 ...	85	3	----56-----	5 7 9 1 3 5
ELE201	48H1			Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22103	Đặng Danh Hoằng	111112405	80	3	------78---	3
ELE551	47N	03		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20208	Nguyễn Thị Chinh	111111414	85	3	------78---	5
ELE551	47N	02		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20208	Nguyễn Thị Chinh	111111414	85	3	------78---	5 7 9 1 3
ELE201	48H1	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22103	Đặng Danh Hoằng	111112405	80	3	------78---	6 8 0 2 4 6
ELE402	K1DT	09		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	3	------78---	7
180000	48I5			Sinh hoạt lớp	22112	Dương Quốc Hưng	111112431	68	3	--------90-	7
180000	48I6	01		Sinh hoạt lớp	20511	Vũ Xuân Tùng	111112441	30	3	--------90-	0 3 6 9
ELE402	47R			Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111421	80	4	12---------	2
ELE402	47R	02		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111421	80	4	12---------	5 7 9 1 3 5
TEE314	48F	01		Xử lý tín hiệu số	40101	Lê Duy Minh	111112501	90	4	12---------	3 6 8 0 2 4 6
ELE547	46M			Tổng hợp hệ điện cơ	20231	Trần Thị Hải Yến	111110411	90	4	--34-------	2
ELE547	46M	02		Tổng hợp hệ điện cơ	20231	Trần Thị Hải Yến	111110411	90	4	--34-------	3
ELE310	47R	03		Khí cụ điện	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	111111421	85	4	--34-------	78901234567
ELE310	47R	01		Khí cụ điện	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	111111421	85	4	--34-------	5
BAS205	49A	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	6
ELE401	47N			Cơ sở Truyền động điện	20225	Nguyễn Hồng Quang	111111414 ...	85	4	----56-----	2
MEC101	49E			Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113601	85	4	----56-----	3 6 8 0 2 4 67
ELE401	47N	02		Cơ sở Truyền động điện	20225	Nguyễn Hồng Quang	111111414 ...	85	4	----56-----	5 7 9 1 3 5
TEE536	46S			Lý thuyết điều khiển hiện đại	40201	Nguyễn Nam Trung	111110541	80	4	------78---	2
BAS205	49I	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	4	------78---	3
ELE201	49M	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22106	Lê Thị Huyền Linh	111113571	80	4	------78---	5

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS205	49O	14		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	------78---	7
MEC565	46I1	02		Các quá trình chế tạo và thiết bị	12715	Hoàng Vị	111110151	80	4	------78---	5
ELE308	BS01	04		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	4	------78---	7
ELE308	BS01	06		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	4	------78---	9
ELE308	BS01	08		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	4	------78---	1
MEC203	BS01	11		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	------78---	4
MEC203	BS01	12		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	------78---	6
MEC203	BS01	03		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	------78---	6
MEC203	BS01	05		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	------78---	8
MEC203	BS01	09		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	------78---	2
MEC307	BS01	10		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	3
TEE533	46S	06		Điều khiển các quá trình Công nghệ	40202	Nguyễn Văn Chí	111110541	100	4	------78---	0
180000	49C3			Sinh hoạt lớp	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113103	78	4	--------90-	7
180000	5K11			Sinh hoạt lớp	70915	Trương Thị Thùy Liên	111114731 ...	76	4	--------90-	0 3 6 9
ELE421	47R			Lưới điện	20002	Vũ Văn Thắng	111111421	80	5	12---------	23 5678901234
ELE421	47R	02		Lưới điện	20002	Vũ Văn Thắng	111111421	80	5	12---------	67
TEE411	47E			Kỹ thuật mạch điện tử	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111111511	80	5	--34-------	2 5 7 9 1 3
MEC448	47X	01		Lý thuyết ô tô - máy kéo	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111111141	80	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 67
ELE551	47N			Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20208	Nguyễn Thị Chinh	111111414	85	5	----56-----	2
ELE551	47N	02		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20208	Nguyễn Thị Chinh	111111414	85	5	----56-----	5 7 9 1 3
ELE551	47N	01		Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	20208	Nguyễn Thị Chinh	111111414	85	5	----56-----	3 6 8 0 2 4 67
ELE308	48H1			Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112405	80	5	------78---	2
ELE414	47N	03		Hệ thống cung cấp điện	20006	Lê Hồng Thái	111111414	85	5	------78---	67
ELE414	47N	01		Hệ thống cung cấp điện	20006	Lê Hồng Thái	111111414	85	5	------78---	5678901234
BAS205	49B1	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	------78---	3
180000	49I5			Sinh hoạt lớp	20020	Dương Hòa An	111113455	66	5	--------90-	7
180000	5K13			Sinh hoạt lớp	70923	Ngô Thị Phương Thảo	111114105	74	5	--------90-	0 3 6 9
ELE421	47R			Lưới điện	20002	Vũ Văn Thắng	111111421	80	6	12---------	23 5678901234
ELE421	47R	01		Lưới điện	20002	Vũ Văn Thắng	111111421	80	6	12---------	5
ELE421	47R	02		Lưới điện	20002	Vũ Văn Thắng	111111421	80	6	12---------	67
ELE401	47R	01		Cơ sở Truyền động điện	20225	Nguyễn Hồng Quang	111111421	90	6	--34-------	2 5 7 9 1 3 5 7
MEC204	49D	01		Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113131	85	6	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
ELE414	47N	02		Hệ thống cung cấp điện	20006	Lê Hồng Thái	111111414	85	6	----56-----	5
ELE414	47N	03		Hệ thống cung cấp điện	20006	Lê Hồng Thái	111111414	85	6	----56-----	67
ELE414	47N	01		Hệ thống cung cấp điện	20006	Lê Hồng Thái	111111414	85	6	----56-----	5678901234
ELE402	47N	01		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111414 ...	80	6	------78---	2 5 7 9 1 3 5 7
MEC303	48D1	04		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111112106	85	6	------78---	8
TEE307	47H	11		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	80	6	------78---	0
TEE307	47H	12		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	80	6	------78---	2
TEE307	47H	01		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	80	6	------78---	3
TEE307	47H	14		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	40500	Vũ Việt Vũ	111111531	80	6	------78---	6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
ELE308	BS01	03		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	6	------78---	6
BAS205	49I1			Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	7	12---------	2
ELE422	47R	02		Trạm biến áp và phân phối điện	20008	Lê Tiên Phong	111111421	80	7	12---------	7890123456
BAS205	49A	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	7	12---------	3
BAS205	49C	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	0
BAS205	49C	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	8
BAS205	49C	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	9
BAS205	49C	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	7
BAS205	49C	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	2
BAS205	49C	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	1
BAS205	49C	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	5
BAS205	49C	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	3
BAS205	49C	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	67
BAS205	49C	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70017	Ngô Văn Giang	111113105	85	7	--34-------	4
ELE402	47N			Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111414 ...	80	7	----56-----	3 6
ELE402	47N	06		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111414 ...	80	7	----56-----	6
ELE402	47N	02		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111414 ...	80	7	----56-----	0
ELE402	47N	03		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111414 ...	80	7	----56-----	2
MEC204	49B1	03		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113104	85	7	----56-----	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-402 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS301	47F			Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111521	90	2	12---------	2
FIM422	47A1			Kết cấu bê tông cốt thép 1	90903	Trần Khải Hoàn	111111202	80	2	--34-------	2
FIM422	47A2			Kết cấu bê tông cốt thép 1	90903	Trần Khải Hoàn	111109201	80	2	----56-----	2
MEC204	49A1	01		Cơ kỹ thuật 1	10106	Nguyễn Thị Hoa	111113102	85	2	------78---	2
FIM422	47A			Kết cấu bê tông cốt thép 1	90903	Trần Khải Hoàn	111111201	80	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
FIM310	47A	02		Cơ học đất	90902	Lại Ngọc Hùng	111111201	85	3	12---------	5
FIM310	47A	03		Cơ học đất	90902	Lại Ngọc Hùng	111111201	85	3	12---------	5 7 9 1 3
FIM425	47A	01		Kiến trúc công nghiệp	91002	Nguyễn Xuân Thành	111111201	85	3	--34-------	3 5678901234567
ELE401	47S			Cơ sở Truyền động điện	20303	Đỗ Thị Phương Thảo	111111431	85	3	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
BAS301	47S	02		Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111431	90	3	----56-----	5 7 9 1 3 5 7
ELE402	47S			Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111431	80	3	------78---	3 6 8
ELE402	47S	05		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111431	80	3	------78---	2 4 67
ELE402	47S	03		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111431	80	3	------78---	1 3 5
ELE402	47S	06		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111431	80	3	------78---	5 7
BAS205	49M	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	------78---	9
BAS205	49P	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	3	------78---	0
180000	48I4			Sinh hoạt lớp	20008	Lê Tiên Phong	111112421	81	3	--------90-	7
180000	48I5	01		Sinh hoạt lớp	22112	Dương Quốc Hưng	111112431	68	3	--------90-	0 3 6 9
FIM422	47A	01		Kết cấu bê tông cốt thép 1	90903	Trần Khải Hoàn	111111201	80	4	12---------	2 5 7 9 1 3 5 7
TEE301	48D	07		Kỹ thuật đo lường 1	40202	Nguyễn Văn Chí	111112105	90	4	12---------	0
TEE301	48D	12		Kỹ thuật đo lường 1	40202	Nguyễn Văn Chí	111112105	90	4	12---------	4
FIM370	48G	02		Phân tích môi trường	11006	Trần Thị Bích Thảo	111112301	80	4	12---------	6
TEE408	47E			Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	111111511	80	4	--34-------	2 5 7 9 1 3 5
FIM310	47A	01		Cơ học đất	90902	Lại Ngọc Hùng	111111201	85	4	--34-------	3 6 8 0 2 4 67
BAS301	47S	01		Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111431	90	4	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
ELE402	47S	03		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111431	80	4	----56-----	1 3 5
ELE402	47S	02		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111431	80	4	----56-----	9
ELE402	47S	06		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111431	80	4	----56-----	5 7
ELE402	47S	01		Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111431	80	4	----56-----	2
BAS205	49N1	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	4	----56-----	7
BAS112	49E			Vật lý II	70112	Nguyễn Thanh Tùng	111113601	90	4	------78---	2 5 7 9 1 3 5 7
BAS301	48H1	01		Nhiệt động lực học	30004	Lê Văn Quỳnh	111112405	80	4	------78---	3 6 8 0 2 4 6
180000	49C2			Sinh hoạt lớp	10110	Đặng Văn Hiếu	111113102	81	4	--------90-	7
180000	49D6	01		Sinh hoạt lớp	20501	Cao Xuân Tuyển	111106412	52	4	--------90-	3 6 9
FIM416	47A			Cơ học Kết cấu 2	91008	Hà Thanh Tú	111111201	80	5	12---------	23 5678901234

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
FIM416	47A	02		Cơ học Kết cấu 2	91008	Hà Thanh Tú	111111201	80	5	12---------	67
FIM310	47A			Cơ học đất	90902	Lại Ngọc Hùng	111111201	85	5	--34-------	2
FIM422	47A			Kết cấu bê tông cốt thép 1	90903	Trần Khải Hoàn	111111201	80	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
FIM310	47A	03		Cơ học đất	90902	Lại Ngọc Hùng	111111201	85	5	--34-------	5 7 9 1 3
MEC204	49F1	01		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113202	85	5	----56-----	2 5 7 9 1 3
TEE303	48I1	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40013	Nguyễn Hoàng Việt	111112402	90	5	----56-----	3 6 8 0 2 4 67
ELE401	47S			Cơ sở Truyền động điện	20303	Đỗ Thị Phương Thảo	111111431	85	5	------78---	3 6 8 0 2 4 6
MEC441	47U1			Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111109111	80	5	------78---	2 5 7 9 1 3
MEC441	47U1	03		Công nghệ chế tạo máy 1	12708	Trần Văn Quân	111109111	80	5	------78---	7
180000	50K6			Sinh hoạt lớp	70311	Dương Văn Tân	111114571 ...	110	5	--------90-	0 3 6 9
ELE201	49M1			Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111113572	80	6	12---------	2
BAS205	49F	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	6	12---------	5
BAS205	49K1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	6	12---------	7
BAS205	49K1	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	6	12---------	9
BAS205	49K1	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	6	12---------	1
BAS205	49K1	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	6	12---------	3
ELE201	49P1	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	6	12---------	5
BAS401	48C	01		Cơ học Chất lỏng	10107	Lê Xuân Long	111112103	80	6	12---------	3 6 8 0 2 4 67
MEC308	47A			Máy xây dựng	10801	Hồ Ký Thanh	111111201	80	6	--34-------	23 5678901234567
BAS205	49E			Toán 3 (Giải tích 2)	70008	Nguyễn Thị Phương	111113601	85	6	----56-----	23 5678901234567
BAS301	47S	01		Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111431	90	6	------78---	3 6 8 0 2 4 6
ELE401	47S	01		Cơ sở Truyền động điện	20303	Đỗ Thị Phương Thảo	111111431	85	6	------78---	2 5 7 9 1 3 5 7
FIM204	49H1			Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111113752	80	7	12---------	3 6 8 0 2 456
BAS205	49M1			Toán 3 (Giải tích 2)	70020	Hoàng Thanh Nga	111113572	85	7	12---------	2
BAS205	49O1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113453	85	7	--34-------	67
BAS205	49O1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113453	85	7	--34-------	5678901234
BAS205	49O1	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113453	85	7	--34-------	3
BAS205	49O1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113453	85	7	--34-------	5
MEC101	49E	02		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113601	85	7	----56-----	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-403 (Sức Chứa: 100)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC303	48C			Nguyên lý máy	12610	Lý Việt Anh	111112103	85	2	12---------	2
FIM301	47B			Các quá trình sản xuất cơ bản	70210	Nguyễn Thị Hằng	111111301	80	2	--34-------	2
TEE502	46Y			Kỹ thuật ghép nối máy tính	40308	Nguyễn Tuấn Anh	111110511	90	2	----56-----	2
BAS205	49M			Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	2	------78---	2
FIM425	47A1	01		Kiến trúc công nghiệp	91004	Đào Đăng Quang	111111202	85	3	12---------	3 5678901234567
FIM513	46A1	02		Địa chấn học công trình	90901	Hàn Thị Thúy Hằng	111110202	90	3	--34-------	5
FIM301	47B	02		Các quá trình sản xuất cơ bản	70210	Nguyễn Thị Hằng	111111301	80	3	--34-------	3 56789
PED101	49D	05		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111113131	100	3	--34-------	6
BAS205	49F	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	3	--34-------	0
BAS205	49F	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	3	--34-------	2
BAS205	49F	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	3	--34-------	4
TEE303	48L	03		Kỹ thuật điện tử tương tự	40012	Phạm Duy Khánh	111112403	90	3	--34-------	1 3
TEE424	47T	02		Đo lường và Thông tin công nghiệp	40201	Nguyễn Nam Trung	111111441	80	3	----56-----	5 7 9 1 3 5
BAS101	48P	01		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70908	Nguyễn Thị Vân Anh	111112408	80	3	----56-----	3
BAS101	48P	03		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70915	Trương Thị Thùy Liên	111112408	80	3	----56-----	6 8 0 2 4 6
FIM204	49H	01		Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111113751	80	3	------78---	3 6 8 0 2 4 6
PED402	47Y	05		Giáo dục học	50502	Trần Thị Vân Anh	111111611	70	3	------78---	5
ELE402	K1DT	04		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	3	------78---	1
180000	49I3			Sinh hoạt lớp	20501	Cao Xuân Tuyển	111113453	57	3	--------90-	7
180000	49X1	02		Sinh hoạt lớp	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111113201 ...	120	3	--------90-	3
180000	49X1	03		Sinh hoạt lớp	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111113201 ...	120	3	--------90-	6
180000	49X1	04		Sinh hoạt lớp	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111113201 ...	120	3	--------90-	9
180000	49X1	01		Sinh hoạt lớp	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111113201 ...	120	3	--------90-	0
ELE201	48H			Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111112404	80	4	12---------	2
MEC549	46L	01		Thiết kế lỗ hình trục cán	10801	Hồ Ký Thanh	111110121	70	4	12---------	3 6 8 0 2 4 6
ELE201	48H	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111112404	80	4	12---------	5 7 9 1 3 5
FIM301	47B			Các quá trình sản xuất cơ bản	70210	Nguyễn Thị Hằng	111111301	80	4	--34-------	2
FIM301	47B	02		Các quá trình sản xuất cơ bản	70210	Nguyễn Thị Hằng	111111301	80	4	--34-------	3 56789
FIM301	47B	01		Các quá trình sản xuất cơ bản	70210	Nguyễn Thị Hằng	111111301	80	4	--34-------	012
TEE424	47T			Đo lường và Thông tin công nghiệp	40201	Nguyễn Nam Trung	111111441	80	4	----56-----	2
TEE424	47T	02		Đo lường và Thông tin công nghiệp	40201	Nguyễn Nam Trung	111111441	80	4	----56-----	5 7 9 1 3 5
BAS205	49B1	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	8
PED402	47Y	03		Giáo dục học	50502	Trần Thị Vân Anh	111111611	70	4	----56-----	2
PED402	47Y	01		Giáo dục học	50502	Trần Thị Vân Anh	111111611	70	4	----56-----	6
PED402	47Y	06		Giáo dục học	50502	Trần Thị Vân Anh	111111611	70	4	----56-----	6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
PED402	47Y	04		Giáo dục học	50502	Trần Thị Vân Anh	111111611	70	4	----56-----	4
PED402	47Y	02		Giáo dục học	50502	Trần Thị Vân Anh	111111611	70	4	----56-----	0
TEE207	K1DT	09		Tính toán kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiên	112113471 ...	85	4	----56-----	7
MEC408	47U1			Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111109111	80	4	------78---	2
ELE525	46O	01		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20209	Nguyễn Thị Thanh Nga	111110431	80	4	------78---	5
TEE424	47T	01		Đo lường và Thông tin công nghiệp	40201	Nguyễn Nam Trung	111111441	80	4	------78---	3 6 8 0 2 4 67
ELE308	BS01	02		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	4	------78---	5
MEC203	BS01	10		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	------78---	3
MEC307	BS01	08		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	1
MEC307	BS01	06		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	9
MEC307	BS01	04		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	7
180000	49T1			Sinh hoạt lớp	92207	Nguyễn Thị Hồng	111113751 ...	111	4	--------90-	7
180000	49T1	04		Sinh hoạt lớp	92207	Nguyễn Thị Hồng	111113751 ...	111	4	--------90-	9
180000	49T1	02		Sinh hoạt lớp	92207	Nguyễn Thị Hồng	111113751 ...	111	4	--------90-	3
180000	49T1	01		Sinh hoạt lớp	92207	Nguyễn Thị Hồng	111113751 ...	111	4	--------90-	0
180000	49T1	03		Sinh hoạt lớp	92207	Nguyễn Thị Hồng	111113751 ...	111	4	--------90-	6
FIM479	47B			Kỹ thuật xử lý khí thải	11010	Nguyễn Trần Hưng	111111301	80	5	12---------	23 56789
FIM479	47B	03		Kỹ thuật xử lý khí thải	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111111301	80	5	12---------	01234
FIM479	47B	02		Kỹ thuật xử lý khí thải	11010	Nguyễn Trần Hưng	111111301	80	5	12---------	67
FIM406	47B			Kỹ thuật xử lý nước thải	11004	Vi Thị Mai Hương	111111301	80	5	--34-------	23 56789
FIM406	47B	01		Kỹ thuật xử lý nước thải	11005	Phạm Hương Quỳnh	111111301	80	5	--34-------	01234
FIM406	47B	03		Kỹ thuật xử lý nước thải	11005	Phạm Hương Quỳnh	111111301	80	5	--34-------	67
BAS301	47T			Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111441	90	5	----56-----	2 5 7 9 1 3
FIM497	48V	07		Giao tiếp kinh doanh	92310	Nguyễn Phương Huyền	111112731	80	5	----56-----	4 6
FIM497	48V	04		Giao tiếp kinh doanh	92310	Nguyễn Phương Huyền	111112731	80	5	----56-----	8
FIM497	48V	06		Giao tiếp kinh doanh	92310	Nguyễn Phương Huyền	111112731	80	5	----56-----	2
FIM497	48V	01		Giao tiếp kinh doanh	92310	Nguyễn Phương Huyền	111112731	80	5	----56-----	3
FIM497	48V	03		Giao tiếp kinh doanh	92310	Nguyễn Phương Huyền	111112731	80	5	----56-----	6
FIM497	48V	05		Giao tiếp kinh doanh	92310	Nguyễn Phương Huyền	111112731	80	5	----56-----	0
ELE308	BS01	01		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	5	----56-----	7
BAS111	50K1	01		Vật lý I	70106	Phạm Thị Ngọc Dung	111109113	5	5	------78---	6 8 0 2 4 6
BAS108	50P1	01		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70000	Ôn Ngũ Minh	111109413	5	5	------78---	5 7 9 1 3
180000	46I2			Sinh hoạt lớp	20225	Nguyễn Hồng Quang	111110413 ...	120	5	--------90-	7
180000	46M5	01		Sinh hoạt lớp	12728	Nguyễn Thuấn	111110116 ...	120	5	--------90-	0 3 6 9
FIM479	47B			Kỹ thuật xử lý khí thải	11010	Nguyễn Trần Hưng	111111301	80	6	12---------	23 56789
FIM479	47B	01		Kỹ thuật xử lý khí thải	11010	Nguyễn Trần Hưng	111111301	80	6	12---------	5
FIM479	47B	03		Kỹ thuật xử lý khí thải	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111111301	80	6	12---------	01234
FIM479	47B	02		Kỹ thuật xử lý khí thải	11010	Nguyễn Trần Hưng	111111301	80	6	12---------	67
FIM406	47B			Kỹ thuật xử lý nước thải	11004	Vi Thị Mai Hương	111111301	80	6	--34-------	23 56789
FIM406	47B	01		Kỹ thuật xử lý nước thải	11005	Phạm Hương Quỳnh	111111301	80	6	--34-------	01234

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
FIM406	47B	03		Kỹ thuật xử lý nước thải	11005	Phạm Hương Quỳnh	111111301	80	6	--34-------	67
FIM406	47B	02		Kỹ thuật xử lý nước thải	11005	Phạm Hương Quỳnh	111111301	80	6	--34-------	5
BAS301	47T			Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111441	90	6	----56-----	2 5 7 9 1 3
BAS301	47T	01		Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111441	90	6	----56-----	3 6 8 0 2 4 67
BAS301	47T	02		Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111441	90	6	----56-----	5
ELE310	47T			Khí cụ điện	20501	Cao Xuân Tuyển	111111441	85	6	------78---	23 5678901234567
180000	50K1			Sinh hoạt lớp	70313	Trần Thu Hằng	111114101 ...	119	6	--------90-	0 3 6 0
MEC204	49B	01		Cơ kỹ thuật 1	10106	Nguyễn Thị Hoa	111113103	85	7	12---------	3
FIM434	48V1	01		Kiểm toán căn bản	92205	Ma Thị Thu Thủy	111112751	80	7	12---------	2 5 7 9 1 3 5
FIM213	49H1			Nguyên Lý thống kê	92309	Phan Thị Thanh Tâm	111113752	80	7	--34-------	2 5 7 9 1 3 67
BAS205	49I1	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	7	--34-------	5
BAS401	48D1	08		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111112106	80	7	----56-----	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-404 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
FIM309	48X			Vẽ kỹ thuật xây dựng	91002	Nguyễn Xuân Thành	111112201	85	2	12---------	2
BAS401	48C			Cơ học Chất lỏng	10107	Lê Xuân Long	111112103	80	2	--34-------	2
TEE303	48H	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111112404	90	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
FIM334	47C	02		Tài chính doanh nghiệp	92313	Trần Thị Quỳnh Trang	111111751	90	3	12---------	5 7 9 1 3 5
FIM482	47C	02		Phân tích hoạt động kinh doanh	92303	Nguyễn Trung Thành	111111751	80	3	--34-------	5 7 9 1 3 5 7
TEE303	48L	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40012	Phạm Duy Khánh	111112403	90	3	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
FIM422	47A2	02		Kết cấu bê tông cốt thép 1	90903	Trần Khải Hoàn	111109201	80	3	----56-----	5 7 9 1 3 5 7
MEC408	47O1	01		Cơ điện tử	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111111112	80	3	----56-----	3 6 8 0 2 4
MEC408	47O1	03		Cơ điện tử	11207	Nguyễn Ngọc Hà	111111112	80	3	----56-----	6
FIM425	47A2	01		Kiến trúc công nghiệp	91003	Ngô Thị Thu Huyền	111109201	85	3	------78---	3 5678901234567
180000	K44			Sinh hoạt lớp	92108	Ma Thế Ngàn	111108731	70	3	--------90-	7
180000	K44	01		Sinh hoạt lớp	92108	Ma Thế Ngàn	111108731	70	3	--------90-	0 3 6 9
FIM538	47C	01		Kinh tế lượng	92312	Bùi Thị Bắc	111111751	80	4	12---------	3 6 8 0 2 4 6
FIM483	47C	01		Tổ chức công tác kế toán	92209	Đoàn Quang Thiệu	111111751	80	4	12---------	2 5 7 9 1 3
MEC303	48D	01		Nguyên lý máy	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111112105	85	4	--34-------	2 5 7 9 1 3 5
FIM334	47C	01		Tài chính doanh nghiệp	92313	Trần Thị Quỳnh Trang	111111751	90	4	--34-------	3 6 8 0 2 4 67
TEE520	46R			Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cương	111110521	120	4	----56-----	2
MEC532	46E	02		Công nghệ Chế tạo máy 1	12710	Hà Đức Thuận	111110113	90	4	----56-----	5
FIM422	47A2	01		Kết cấu bê tông cốt thép 1	90903	Trần Khải Hoàn	111109201	80	4	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
BAS205	49F1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	4	----56-----	5
BAS205	49F1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113202	85	4	----56-----	7
MEC205	48D1	06		Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112106	85	4	----56-----	9
MEC203	48D1	12		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	4	----56-----	3
MEC316	BS01	07		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	4	----56-----	1
PED402	47Y			Giáo dục học	50502	Trần Thị Vân Anh	111111611	70	4	------78---	5
FIM416	47A2	02		Cơ học Kết cấu 2	91008	Hà Thanh Tú	111109201	80	4	------78---	67
BAS210	49H	03		Xác suất và thống kê	70011	Vũ Hồng Quân	111113751	80	4	------78---	5
BAS205	49O	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	------78---	0
TEE533	46S	04		Điều khiển các quá trình Công nghệ	40202	Nguyễn Văn Chí	111110541	100	4	------78---	6
PED402	47Y	09		Giáo dục học	50502	Trần Thị Vân Anh	111111611	70	4	------78---	9
FIM431	47C			Kế toán quản trị 1	92201	Ngô Thúy Hà	111111751	80	5	12---------	23 5678901234
FIM431	47C	02		Kế toán quản trị 1	92201	Ngô Thúy Hà	111111751	80	5	12---------	67
FIM483	47C			Tổ chức công tác kế toán	92209	Đoàn Quang Thiệu	111111751	80	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 67
BAS205	49B	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113103	85	5	--34-------	5
BAS205	49F	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	5	--34-------	9

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS205	49K1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-------	7
BAS205	49K1	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-------	1
BAS205	49K1	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-------	3
FIM303	48G	01		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	5	--34-------	2
FIM416	47A2			Cơ học Kết cấu 2	91008	Hà Thanh Tú	111109201	80	5	----56-----	23 5678901234
FIM416	47A2	02		Cơ học Kết cấu 2	91008	Hà Thanh Tú	111109201	80	5	----56-----	67
FIM310	47A2			Cơ học đất	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111109201	85	5	------78---	2 5 7 9 1 3
MEC303	48C1	02		Nguyên lý máy	12610	Lý Việt Anh	111112104	85	5	------78---	0 2 4 6
MEC303	48C1	01		Nguyên lý máy	12610	Lý Việt Anh	111112104	85	5	------78---	3 6 8
FIM431	47C			Kế toán quản trị 1	92201	Ngô Thúy Hà	111111751	80	6	12---------	23 5678901234
FIM431	47C	01		Kế toán quản trị 1	92201	Ngô Thúy Hà	111111751	80	6	12---------	5
FIM431	47C	02		Kế toán quản trị 1	92201	Ngô Thúy Hà	111111751	80	6	12---------	67
FIM538	47C			Kinh tế lượng	92312	Bùi Thị Bắc	111111751	80	6	--34-------	2 5 7 9 1 3 5 7
MEC303	48A	01		Nguyên lý máy	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111112131	85	6	--34-------	3 6 8 0 2 4
MEC303	48A	04		Nguyên lý máy	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111112131	85	6	--34-------	6
BAS205	49K	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	6	----56-----	5
BAS205	49K	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113463	85	6	----56-----	7
MEC203	48C1	02		Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112104	85	6	----56-----	5
MEC303	48C1	01		Nguyên lý máy	12610	Lý Việt Anh	111112104	85	6	----56-----	3 6 8
MEC203	BS01	08		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	----56-----	1
MEC203	BS01	10		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	----56-----	3
MEC203	BS01	06		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	----56-----	9
ENG202	BS01	15		Pre- Intermediate 2			111108111	70	6	----56-----	67
ENG202	BS01	11		Pre- Intermediate 2			111108111	70	6	----56-----	2
BAS112	50X	07		Vật lý II	70109	Đồng Thị Linh	112114471	0	6	----56-----	4
MEC308	47A2			Máy xây dựng	10801	Hồ Ký Thanh	111109201	80	6	------78---	23 5678901234567
FIM484	47C			Kế toán máy	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	80	7	12---------	2
FIM484	47C	09		Kế toán máy	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	80	7	12---------	5
FIM484	47C	03		Kế toán máy	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	80	7	12---------	6
FIM484	47C	07		Kế toán máy	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	80	7	12---------	2
FIM484	47C	05		Kế toán máy	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	80	7	12---------	9
MEC101	49B	04		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113103	85	7	--34-------	5
BAS404	47A2			Cơ học môi trường liên tục	10110	Đặng Văn Hiếu	111109201	80	7	----56-----	23 5678901234567
FIM484	47C			Kế toán máy	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	80	8	12---------	2
FIM484	47C	09		Kế toán máy	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	80	8	12---------	5
FIM484	47C	03		Kế toán máy	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	80	8	12---------	6
FIM484	47C	07		Kế toán máy	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	80	8	12---------	2
FIM484	47C	05		Kế toán máy	92204	Nguyễn Thị Thu Ngân	111111751	80	8	12---------	9

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-501 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS205	49G			Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113301	85	2	12---------	2
ELE402	47R			Điện tử công suất	20269	Vũ Văn Hùng	111111421	80	2	--34-------	2
FIM204	49H			Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111113751	80	2	------78---	2
TEE304	47E	02		Cơ sở thông tin số	40106	Trần Anh Thắng	111111511	80	3	12---------	5 7 9 1 3 5
ELE535	46P	01		Máy điện trong điều khiển tự động	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	111110441	80	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
ELE402	47G			Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111541	80	3	--34-------	3 6 8 2 4 67
TEE424	47G	03		Đo lường và Thông tin công nghiệp	40206	Ngô Phương Thanh	111111541	80	3	--34-------	5 7 9 1 3 5
ELE201	49P1	07		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	3	--34-------	0
ELE308	48I1	01		Lý thuyết điều khiển tự động	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111112402	80	3	----56-----	3 5678901234567
BAS205	49M	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	------78---	7
BAS205	49M	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	------78---	3
BAS205	49P	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	3	------78---	1
MEC203	48C1	02		Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112104	85	3	------78---	5
MEC204	48P	01		Cơ kỹ thuật 1	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111112408	85	3	------78---	3 6 8 0 2 4 67
ELE308	BS01	06		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	3	------78---	9
180000	47I4			Sinh hoạt lớp	20506	Trần Thị Thanh Nga	111111441	39	3	--------90-	7
180000	48I4	01		Sinh hoạt lớp	20008	Lê Tiên Phong	111112421	81	3	--------90-	0 3 6 9
TEE314	48F			Xử lý tín hiệu số	40101	Lê Duy Minh	111112501	90	4	12---------	2
TEE304	47E	01		Cơ sở thông tin số	40106	Trần Anh Thắng	111111511	80	4	12---------	3 6 8 0 2 4 6
MEC101	49A	04		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113101	85	4	12---------	9
BAS205	49I1	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	4	12---------	1
BAS205	49I1	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Vân Huyền	111113462	85	4	12---------	3
ELE201	49P1	04		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	4	12---------	7
BAS401	48A	03		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112131	80	4	12---------	5
ELE309	48L	01		Vật liệu điện	20508	Nguyễn Tiến Dũng	111112403	85	4	12---------	5
TEE316	47E			Anten và truyền sóng	40101	Lê Duy Minh	111111511	80	4	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
TEE424	47G1	02		Đo lường và Thông tin công nghiệp	40202	Nguyễn Văn Chí	111111542	80	4	--34-------	7 9 1 3 5 7
BAS205	49A	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	5
MEC101	49F	01		Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113201	85	4	--34-------	2
MEC204	49C1			Cơ kỹ thuật 1	10100	Nguyễn Văn Tuấn	111113106	85	4	----56-----	2 5 7 9 1 3 5 7
FIM216	49H	01		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113751	80	4	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
MEC458	47Z			Rô bốt công nghiệp	11210	Phạm Thành Long	111111131	100	4	------78---	2
MEC408	47U1	03		Cơ điện tử	11203	Lê Thị Thu Thủy	111109111	80	4	------78---	5
BAS210	49H	02		Xác suất và thống kê	70011	Vũ Hồng Quân	111113751	80	4	------78---	5 7 9 1 3 7
BAS301	48L1	01		Nhiệt động lực học	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111112406	80	4	------78---	3 6 8 0 2 4 6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
180000	45M1			Sinh hoạt lớp	12719	Nguyễn Thái Bình	111109111 ...	67	4	--------90-	7
180000	50K3			Sinh hoạt lớp	70303	Trương Đức Huy	111114131 ...	97	4	--------90-	0 3 6 9
TEE316	47E	01		Anten và truyền sóng	40101	Lê Duy Minh	111111511	80	5	12---------	2 5 7 9 1 3
BAS205	49G	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113301	85	5	12---------	3
BAS301	48A	03		Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111112131	80	5	12---------	6
BAS301	48A	04		Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111112131	80	5	12---------	8 0 2 4
BAS301	48A	05		Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111112131	80	5	12---------	6
MEC303	BS01	11		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	5	12---------	7
TEE425	47E			Kỹ thuật truyền số liệu	40107	Phan Thanh Hiền	111111511	80	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
BAS112	49F			Vật lý II	70109	Đồng Thị Linh	111113201	90	5	--34-------	2
MEC204	49D	03		Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113131	85	5	--34-------	7 9 1 3
MEC204	49D	05		Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113131	85	5	--34-------	7
ELE201	49P1	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	5	--34-------	5
ELE309	48H1			Vật liệu điện	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	111112405	85	5	----56-----	23
BAS112	50X			Vật lý II	70109	Đồng Thị Linh	112114471	0	5	----56-----	6
MEC316	BS01	06		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	5	----56-----	0
MEC316	BS01	12		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	5	----56-----	6
MEC316	BS01	13		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	5	----56-----	7
MEC316	BS01	04		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	5	----56-----	8
MEC316	BS01	03		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	5	----56-----	7
MEC316	BS01	05		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	5	----56-----	9
MEC316	BS01	10		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	5	----56-----	4
TEE408	K1DT	06		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	5	----56-----	3
MEC201	48X1			Đại cương về kỹ thuật	12611	Lê Xuân Hưng	111112202 ...	90	5	------78---	2 5 7 9 1 3
FIM310	47A2	01		Cơ học đất	90907	Nhữ Thị Lan Hương	111109201	85	5	------78---	3 6 8 0 2 4 67
180000	L12I			Sinh hoạt lớp	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	115112411	70	5	--------90-	7
180000	49K3	01		Sinh hoạt lớp	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111106993	64	5	--------90-	3 6 9
TEE408	47E			Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	111111511	80	6	12---------	2 5 7 9 1 3 5
MEC204	49G			Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113301	85	6	12---------	3 6 8 0 2 4 67
TEE411	47E			Kỹ thuật mạch điện tử	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111111511	80	6	--34-------	2 5 7 9 1 3
TEE411	47E	02		Kỹ thuật mạch điện tử	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111111511	80	6	--34-------	5
FIM213	49H1	01		Nguyên Lý thống kê	92309	Phan Thị Thanh Tâm	111113752	80	6	--34-------	3 6 8 0 2 4
BAS401	BS02	20		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-------	6
ELE401	47K	01		Cơ sở Truyền động điện	20223	Ngô Minh Đức	111111412	85	6	----56-----	3 6 8 0 2 4 67
BAS205	49P	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	6	----56-----	5
TEE301	48D1	08		Kỹ thuật đo lường 1	40210	Nguyễn Văn Chí	111112106	90	6	----56-----	1
TEE301	48D1	10		Kỹ thuật đo lường 1	40210	Nguyễn Văn Chí	111112106	90	6	----56-----	3
TEE301	48D1	01		Kỹ thuật đo lường 1	40210	Nguyễn Văn Chí	111112106	90	6	----56-----	9
BAS401	BS01	01		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	6	----56-----	5
MEC203	BS01	04		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	----56-----	7
TEE301	48L1	01		Kỹ thuật đo lường 1	40209	Nguyễn Trọng Toản	111112406	90	6	------78---	3 5678901234567

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
TEE424	47G			Đo lường và Thông tin công nghiệp	40206	Ngô Phương Thanh	111111541	80	7	12---------	2
TEE411	47E	01		Kỹ thuật mạch điện tử	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111111511	80	7	12---------	3 6 8 0 2 4 67
BAS205	49K1	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	7	--34-------	5
ELE308	BS01	12		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	7	----56-----	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-502 (Sức Chứa: 80)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
TEE311	48L	01		Kỹ thuật điện tử số	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111112403	80	2	12---------	2
ELE402	47F	01		Điện tử công suất	20220	Lâm Hùng Sơn	111111521	80	2	--34-------	2
TEE515	46Y			Kỹ thuật truyền hình	40102	Đoàn Thanh Hải	111110511	85	2	------78---	2
TEE424	47F			Đo lường và Thông tin công nghiệp	40212	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	111111521	80	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
TEE311	48L	02		Kỹ thuật điện tử số	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111112403	80	3	12---------	5 7 9 1 3 5
TEE547	46Z	02		Lập trình Windows	42106	Đỗ Duy Cốp	111110531	80	3	--34-------	5 7 9 1 3 5
BAS301	47F	01		Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111521	90	3	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
FIM309	48X1			Vẽ kỹ thuật xây dựng	91004	Đào Đăng Quang	111112202 ...	85	3	----56-----	3 6 8 0 2 4 67
FIM334	47D	03		Tài chính doanh nghiệp	92313	Trần Thị Quỳnh Trang	111111731	90	3	----56-----	5 7 9 1 3
FIM334	47D	02		Tài chính doanh nghiệp	92313	Trần Thị Quỳnh Trang	111111731	90	3	----56-----	5
FIM364	47D	04		Quản trị chất lượng	92109	Nguyễn Thị Hồng Nhung	111111731	90	3	------78---	5 7 9 1 3
FIM364	47D	02		Quản trị chất lượng	92109	Nguyễn Thị Hồng Nhung	111111731	90	3	------78---	5
FIM208	48V	01		Quản trị học	92104	Trần Thị Thu Huyền	111112731	80	3	------78---	3 6 8 0 2 4 67
180000	47I3			Sinh hoạt lớp	22109	Trần Thị Thanh Thảo	111111431	50	3	--------90-	7
ELE525	46M			Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20200	Nguyễn Như Hiển	111110411	85	4	12---------	2
ELE525	46M	01		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20200	Nguyễn Như Hiển	111110411	85	4	12---------	3 5678901234567
MEC308	47A1			Máy xây dựng	10801	Hồ Ký Thanh	111111202	80	4	--34-------	23 5678901234567
FIM330	47D			Luật kinh doanh	92307	Ngô T. Hồng ánh	111111731	80	4	----56-----	23 5678901234567
BAS112	49E	01		Vật lý II	70112	Nguyễn Thanh Tùng	111113601	90	4	------78---	3 6 8 0 2 4 6
FIM363	47D	01		Quản trị chuỗi cung ứng	92105	Phạm Thị Minh Khuyên	111111731	80	4	------78---	2 5 7 9 1 3 5 7
180000	50K8			Sinh hoạt lớp	70912	Lương Thị Thúy Nga	111114201 ...	97	4	--------90-	0 3 6 9
ELE402	47G1			Điện tử công suất	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111542	80	5	12---------	2 5 7 9 1 3
TEE408	47E	01		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	111111511	80	5	12---------	3 6 8 0 2 4 67
ELE401	47G1			Cơ sở Truyền động điện	20221	Nguyễn Vĩnh Thụy	111111542	85	5	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
MEC203	48C			Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112103	85	5	--34-------	2 5 7 9 1 3
MEC203	48C	03		Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112103	85	5	--34-------	7
MEC101	49A1	01		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113102	85	5	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
BAS210	49H	02		Xác suất và thống kê	70011	Vũ Hồng Quân	111113751	80	5	----56-----	5 7 9 1 3 7
BAS210	49H	01		Xác suất và thống kê	70011	Vũ Hồng Quân	111113751	80	5	----56-----	2
FIM4101	47D			Quản trị thương mại trong DNCN	92103	Phạm Thị Mai Yến	111111731	90	5	------78---	23 5678901234
FIM4101	47D	02		Quản trị thương mại trong DNCN	92103	Phạm Thị Mai Yến	111111731	90	5	------78---	67
180000	49K2	01		Sinh hoạt lớp	22120	Ngô Thanh Hải	111106992	64	5	--------90-	3 6 9
TEE424	47G1			Đo lường và Thông tin công nghiệp	40202	Nguyễn Văn Chí	111111542	80	6	12---------	3 6 8 0 2 4 6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS210	49H1			Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	6	12---------	2
ELE201	49N1	03		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22103	Đặng Danh Hoằng	111113451	80	6	12---------	5 7 9 1 3 7
BAS104	50P	07		Hóa học đại cương	70208	Lưu Thị Kiều Oanh	111109412	5	6	12---------	5
TEE311	47G1			Kỹ thuật điện tử số	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111111531 ...	80	6	--34-------	2 5
MEC101	49B			Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113103	85	6	--34-------	3 6 8 0 2 4 67
TEE311	47G1	03		Kỹ thuật điện tử số	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111111531 ...	80	6	--34-------	7 9 1 3
TEE311	47G1	02		Kỹ thuật điện tử số	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111111531 ...	80	6	--34-------	5
FIM363	47D			Quản trị chuỗi cung ứng	92105	Phạm Thị Minh Khuyên	111111731	80	6	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
MEC442	47O	01		Dụng cụ cắt	12724	Lưu Anh Tùng	111111111	80	6	----56-----	5
BAS401	BS01	05		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	6	----56-----	9
BAS401	BS01	06		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	6	----56-----	1
BAS401	BS01	07		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	6	----56-----	3
MEC203	BS01	02		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	6	----56-----	5
ENG202	BS01	06		Pre- Intermediate 2			111108111	70	6	----56-----	7
FIM368	47D			Định mức các yếu tố sản xuất	92104	Trần Thị Thu Huyền	111111731	90	6	------78---	2
ELE414	K1DT			Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	6	------78---	6
BAS104	50Q1	11		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	6	------78---	8
BAS104	50Q1	04		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	6	------78---	1
MEC101	49C	02		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113105	85	7	12---------	5 7 9 1 3 5 7
MEC447	BS01	12		Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	7	--34-------	5
FIM364	47D	01		Quản trị chất lượng	92109	Nguyễn Thị Hồng Nhung	111111731	90	7	----56-----	3 6 8 0 2 4
ENG202	BS01	14		Pre- Intermediate 2			111108111	70	7	----56-----	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-503 (Sức Chứa: 100)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC203	48D	01		Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112105	85	2	12---------	2
MEC205	48D			Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112105	85	2	--34-------	2
FIM207	K1DT	09	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	2	--34-------	5
BAS301	47F	02		Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111521	90	3	12---------	5 7 9 1 3 5 7
TEE314	48F	01		Xử lý tín hiệu số	40101	Lê Duy Minh	111112501	90	3	12---------	3 6 8 0 2 4 6
BAS301	48A	02		Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111112131	80	3	--34-------	5 7 9 1 3 5 7
MEC201	48X	01		Đại cương về kỹ thuật	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	111112201	90	3	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
BAS401	BS01			Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	3	----56-----	3
ELE201	49P	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22109	Trần Thị Thanh Thảo	111113454	80	3	----56-----	5 7 9 1 3 5 7
MEC203	48D1	07		Cơ học vật liệu	12613	Lương Việt Dũng	111112106	85	3	----56-----	6
MEC316	BS01	02		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	3	----56-----	6
MEC316	BS01	10		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	3	----56-----	4
ELE309	48I1	01		Vật liệu điện	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	111112402	85	3	------78---	3 5678901234567
180000	49C6			Sinh hoạt lớp	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111113106	91	3	--------90-	7
180000	5K12			Sinh hoạt lớp	70918	Trương Vũ Long	111114453 ...	118	3	--------90-	0
BAS301	47F	01		Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111521	90	4	12---------	3 6 8 0 2 4 6
FIM214	48V	08	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	4	12---------	5
FIM214	48V	06	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	4	12---------	1
FIM214	48V	07	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	4	12---------	3
FIM214	48V	05	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	4	12---------	9
FIM214	48V	01	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	4	12---------	2
FIM214	48V	02	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	4	12---------	5
FIM214	48V	04	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	4	12---------	7
FIM207	K1DT	10	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	4	12---------	7
TEE424	47F			Đo lường và Thông tin công nghiệp	40212	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	111111521	80	4	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
TEE303	48Q	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111112407	90	4	--34-------	2 5 7 9 1 3 5
ELE309	48L1			Vật liệu điện	20508	Nguyễn Tiến Dũng	111112406	85	4	----56-----	2
FIM516	46A	08		Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	4	----56-----	9
BAS205	49N1	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	4	----56-----	5
MEC201	48X1	01		Đại cương về kỹ thuật	12611	Lê Xuân Hưng	111112202 ...	90	4	----56-----	3 6 8 0 2 4 6
MEC316	BS01	03		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	4	----56-----	7
MEC316	BS01	01		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	4	----56-----	5
MEC316	BS01	09		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	4	----56-----	3
MEC458	47Z	02		Rô bốt công nghiệp	11210	Phạm Thành Long	111111131	100	4	------78---	5
MEC101	49B1	01		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113104	85	4	------78---	3 6 8 0 2 4 6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS205	49O	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	------78---	3
FIM309	48X1	01		Vẽ kỹ thuật xây dựng	91004	Đào Đăng Quang	111112202 ...	85	4	------78---	2
MEC203	BS01	08		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	------78---	1
MEC203	BS01	06		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	------78---	9
MEC203	BS01	04		Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	------78---	7
MEC307	BS01	02		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	------78---	5
180000	46I3			Sinh hoạt lớp	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421 ...	116	4	--------90-	7
180000	46I3	01		Sinh hoạt lớp	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421 ...	116	4	--------90-	0 3 6 9
TEE424	47F	01		Đo lường và Thông tin công nghiệp	40212	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	111111521	80	5	12---------	2 5 7 9 1 3
TEE311	48Q	03		Kỹ thuật điện tử số	40008	Bạch Văn Nam	111112407	80	5	12---------	6 8 0 2 4 6
TEE311	48Q	01		Kỹ thuật điện tử số	40008	Bạch Văn Nam	111112407	80	5	12---------	3
MEC415	46C	03		Dụng cụ cắt 1	12719	Nguyễn Thái Bình	111110621	70	5	--34-------	67
ELE402	47G	01		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111541	80	5	--34-------	23 5 7
ELE402	47G	03		Điện tử công suất	20227	Đỗ Đức Tuấn	111111541	80	5	--34-------	1 3
BAS205	49B	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113103	85	5	--34-------	6
PED101	49D	06		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111113131	100	5	--34-------	2
MEC101	49F	05		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113201	85	5	--34-------	0
BAS205	49K1	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-------	8
BAS205	49K1	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-------	9
BAS205	49K1	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-------	4
TEE303	48I1			Kỹ thuật điện tử tương tự	40013	Nguyễn Hoàng Việt	111112402	90	5	----56-----	2 5 7 9 1 3
BAS401	48C1	02		Cơ học Chất lỏng	10107	Lê Xuân Long	111112104	80	5	----56-----	6 8 0 2 4 6
BAS401	48C1	01		Cơ học Chất lỏng	10107	Lê Xuân Long	111112104	80	5	----56-----	3
MEC205	BS01	14		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	5	----56-----	7
BAS205	49M			Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	2
BAS205	49M	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	7
BAS205	49M	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	4
BAS205	49M	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	5
BAS205	49M	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	6
BAS205	49M	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	8
BAS205	49M	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	3
BAS205	49M	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	3
BAS205	49M	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	9
BAS205	49M	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	2
BAS205	49M	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	67
BAS205	49M	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	1
BAS205	49M	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	5	------78---	0
180000	46M3			Sinh hoạt lớp	12710	Hà Đức Thuận	111110113 ...	120	5	--------90-	7
180000	46M3	01		Sinh hoạt lớp	12710	Hà Đức Thuận	111110113 ...	120	5	--------90-	0 3 6 9
TEE411	47F			Kỹ thuật mạch điện tử	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111111521	100	6	12---------	2 5 7 9 1 3 5
MEC537	47V	03		Phương pháp PTHH và ứng dụng	10105	Ngô Như Khoa	111111151	90	6	12---------	8 0 2 4 67

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC537	47V	01		Phương pháp PTHH và ứng dụng	10105	Ngô Như Khoa	111111151	90	6	12---------	3 6
MEC445	47V			Mô hình hóa các hệ thống động lực	10105	Ngô Như Khoa	111111151	90	6	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
ELE201	49O1			Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111113453	80	6	--34-------	2 5 7 9 1 3 5 7
TEE311	48L1	01		Kỹ thuật điện tử số	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111112406	80	6	----56-----	2 5 7 9 1 3
TEE311	48L1	02		Kỹ thuật điện tử số	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111112406	80	6	----56-----	5
TEE415	47H	01		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	6	----56-----	3
TEE415	47H	13		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	6	----56-----	4
TEE415	47H	12		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	6	----56-----	2
TEE415	47H	10		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	6	----56-----	8
TEE415	47H	11		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	6	----56-----	0
TEE415	47H	09		Kiến trúc máy tính	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111111531	70	6	----56-----	6
MEC101	49A1			Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113102	85	6	------78---	2 5 7 9 1 3 5
FIM499	47D	11		Đấu thầu	92106	Lương Mai Uyên	111111731	90	6	------78---	67
FIM499	47D	09		Đấu thầu	92106	Lương Mai Uyên	111111731	90	6	------78---	4
ELE308	BS01	05		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	6	------78---	8
ELE414	K1DT	03		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	6	------78---	0
180000	50K9			Sinh hoạt lớp	70906	Lương Thị Thu Trang	112114181 ...	112	6	--------90-	0 3 6 9
BAS205	49B	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113103	85	7	12---------	5
MEC204	49D	01		Cơ kỹ thuật 1	10110	Đặng Văn Hiếu	111113131	85	7	12---------	3 6 8 0 2 4 6
ELE550	46M	03		Điều khiển số truyền động điện	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111110411	90	7	--34-------	4
ELE550	46M	02		Điều khiển số truyền động điện	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111110411	90	8	12---------	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo

Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5020B

Thời Khóa Biểu Phòng

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A10-504 (Sức Chứa: 150)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC204	49F			Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113201	85	2	12---------	2
BAS114	50X	08		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	112114181 ...	0	2	12---------	5
TEE303	48L			Kỹ thuật điện tử tương tự	40012	Phạm Duy Khánh	111112403	90	2	--34-------	2
FIM207	50X	09		Pháp luật đại cương	PTT3	Dương Thị Thùy Linh	112114181 ...	0	2	--34-------	5
BAS110	49N	01		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70923	Ngô Thị Phương Thảo	111113531 ...	150	2	------78---	2
BAS301	47G	01	1	Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111111541 ...	150	3	12---------	3 5 7 9 1 3 5
BAS301	47G	02	1	Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111111541 ...	150	3	12---------	6 8 0 2 4 67
TEE311	47E			Kỹ thuật điện tử số	40109	Nguyễn Phương Huy	111111511 ...	80	3	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
TEE203	49O	06		Lập trình trong kỹ thuật	42103	Nguyễn Thị Hương	111113452 ...	150	3	--34-------	7
BAS401	48C	02		Cơ học Chất lỏng	10107	Lê Xuân Long	111112103	80	3	--34-------	5 7 9 1 3 5
TEE301	48C1	01		Kỹ thuật đo lường 1	40217	Dương Quỳnh Nhật	111112104	90	3	----56-----	3 56789 1234567
BAS104	50Q1	05		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	3	----56-----	0
FIM517	46A	03		Kinh tế xây dựng	91007	Nguyễn Thị Thúy Hiên	111110201 ...	150	3	------78---	8 0 2 4 6
BAS205	49P	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	3	------78---	5
BAS205	49P	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113454	85	3	------78---	5
FIM501	49P	02		Quản trị doanh nghiệp CN	92108	Ma Thế Ngàn	111113454 ...	150	3	------78---	3
180000	49T			Sinh hoạt lớp	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111113571 ...	130	3	--------90-	7
180000	47M1	01		Sinh hoạt lớp	12712	Đinh Trọng Hải	111111113 ...	150	3	--------90-	0 3 6 9
BAS301	47G	01	1	Nhiệt động lực học	10111	Vũ Văn Hải	111111541 ...	150	4	12---------	3 5 7 9 1 3 5
MEC204	49C	01		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113105	85	4	12---------	2
FIM207	49F	07		Pháp luật đại cương	70901	Vũ Châu Hoàn	111113201 ...	150	4	12---------	2
FIM207	49F	08		Pháp luật đại cương	70901	Vũ Châu Hoàn	111113201 ...	150	4	12---------	4
FIM207	49F	05		Pháp luật đại cương	70901	Vũ Châu Hoàn	111113201 ...	150	4	12---------	0
FIM207	49F	03		Pháp luật đại cương	70901	Vũ Châu Hoàn	111113201 ...	150	4	12---------	8
ELE309	48L	04		Vật liệu điện	20508	Nguyễn Tiến Dũng	111112403	85	4	12---------	6
FIM214	48V	12	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	4	12---------	6
MEC201	50N	07		Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111109116 ...	5	4	12---------	89
BAS205	49A			Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	4	--34-------	2
FIM310	47A	02		Cơ học đất	90902	Lại Ngọc Hùng	111111201	85	4	--34-------	5
MEC202	49K	02		Các quá trình gia công	10806	Hà Bách Tứ	111113463 ...	150	4	--34-------	5
MEC202	49K	11		Các quá trình gia công	10806	Hà Bách Tứ	111113463 ...	150	4	--34-------	9
MEC202	49K	14		Các quá trình gia công	10806	Hà Bách Tứ	111113463 ...	150	4	--34-------	3
MEC202	49K	12		Các quá trình gia công	12710	Hà Đức Thuận	111113463 ...	150	4	--34-------	7
MEC202	49K	13		Các quá trình gia công	12710	Hà Đức Thuận	111113463 ...	150	4	--34-------	1
MEC202	49K	10		Các quá trình gia công	12710	Hà Đức Thuận	111113463 ...	150	4	--34-------	7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS301	48L	03		Nhiệt động lực học	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111112403	80	4	--34-------	6 8 0 2 4 6
BAS301	48L	01		Nhiệt động lực học	12907	Nguyễn Khắc Tuân	111112403	80	4	--34-------	3
MEC303	48C1			Nguyên lý máy	12610	Lý Việt Anh	111112104	85	4	----56-----	2 5 7 9 1 3 5 7
ELE201	49N	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111113531	80	4	----56-----	6 8 0 2 4 6
ELE309	48L1	01		Vật liệu điện	20508	Nguyễn Tiến Dũng	111112406	85	4	----56-----	3
TEE203	49P			Lập trình trong kỹ thuật	42108	Trần Thị Ngọc Linh	111113454 ...	150	4	------78---	3 6
ELE201	49M	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22106	Lê Thị Huyền Linh	111113571	80	4	------78---	2
TEE203	49P	08		Lập trình trong kỹ thuật	42108	Trần Thị Ngọc Linh	111113454 ...	150	4	------78---	7
TEE203	49P	06		Lập trình trong kỹ thuật	42108	Trần Thị Ngọc Linh	111113454 ...	150	4	------78---	4
TEE203	49P	04		Lập trình trong kỹ thuật	42108	Trần Thị Ngọc Linh	111113454 ...	150	4	------78---	0
FIM309	48X1	02		Vẽ kỹ thuật xây dựng	91004	Đào Đăng Quang	111112202 ...	85	4	------78---	5 7 9 1 3 5
180000	44I			Sinh hoạt lớp	20209	Nguyễn Thị Thanh Nga	111108411 ...	150	4	--------90-	7
180000	48M1	01		Sinh hoạt lớp	12721	Nguyễn Thế Đoàn	111112111 ...	150	4	--------90-	0 3 6 9
BAS101	48C			Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70905	Nguyễn Thị Vân	111112103 ...	150	5	12---------	2 5 7 9 1 3
MEC202	49A	01		Các quá trình gia công	12729	Ngô Minh Tuấn	111113101 ...	150	5	12---------	3 6 8 0 2 4 6
BAS101	48C	03		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70905	Nguyễn Thị Vân	111112103 ...	150	5	12---------	7
BAS114	50N	08		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	111109116 ...	5	5	12---------	89
TEE301	48Q			Kỹ thuật đo lường 1	40206	Ngô Phương Thanh	111112407	80	5	--34-------	23 5678901234
TEE301	48Q	02		Kỹ thuật đo lường 1	40206	Ngô Phương Thanh	111112407	80	5	--34-------	67
FIM101	50N	08		Môi trường và Con người	11012	Hoàng Thị Kim Dung	111109116 ...	5	5	--34-------	89
TEE203	49N			Lập trình trong kỹ thuật	42112	Nghiêm Văn Tính	111113531 ...	150	5	----56-----	3 6
TEE203	49N	09		Lập trình trong kỹ thuật	42112	Nghiêm Văn Tính	111113531 ...	150	5	----56-----	0 2
TEE203	49N	05		Lập trình trong kỹ thuật	42112	Nghiêm Văn Tính	111113531 ...	150	5	----56-----	67
MEC303	48D1	02		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111112106	85	5	----56-----	5
BAS108	50Q1	06		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70012	Lê Bích Ngọc	111109416	5	5	----56-----	7 9 1 3
FIM207	49P			Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	111113454 ...	150	5	------78---	23 5678901234
FIM207	49P	02		Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	111113454 ...	150	5	------78---	67
180000	45DT			Sinh hoạt lớp	40212	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	111109511	150	5	--------90-	7
180000	48X2	01		Sinh hoạt lớp	91008	Hà Thanh Tú	111112211 ...	130	5	--------90-	0 3 6 9
BAS205	49D			Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	6	12---------	2
BAS114	50P			Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nương	111109412 ...	5	6	12---------	5
BAS210	49H1	08		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	6	12---------	1
ELE201	49M1	05		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111113572	80	6	12---------	0 2 4 6
ELE201	49M1	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111113572	80	6	12---------	3
ELE201	49M1	04		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111113572	80	6	12---------	6
ELE201	49M1	06		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111113572	80	6	12---------	8
TEE301	48D	01		Kỹ thuật đo lường 1	40202	Nguyễn Văn Chí	111112105	90	6	12---------	5
MEC201	50Q	11		Đại cương về kỹ thuật	10102	Dương Phạm Tường Minh	111109414 ...	5	6	12---------	7
TEE311	47E			Kỹ thuật điện tử số	40109	Nguyễn Phương Huy	111111511 ...	80	6	--34-------	3 6 8 0 2 4 6
BAS101	48D	01		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70908	Nguyễn Thị Vân Anh	111112105 ...	150	6	--34-------	2 5 7 9 1 3 5
BAS114	50P	13		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nương	111109412 ...	5	6	--34-------	7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
MEC204	49A1	01		Cơ kỹ thuật 1	10106	Nguyễn Thị Hoa	111113102	85	6	----56-----	2
FIM501	49N	01		Quản trị doanh nghiệp CN	92108	Ma Thế Ngàn	111113531 ...	150	6	----56-----	3 5678901234567
ELE529	46N	03		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110413 ...	95	6	------78---	3
MEC307	48D1	12		Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12620	Bùi Thanh Hiền	111112106	85	6	------78---	5
BAS108	50N	02		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70009	Phan T. Vân Huyền	111109116	5	6	------78---	1
MEC201	50V	01		Đại cương về kỹ thuật	12610	Lý Việt Anh	111109751 ...	5	6	------78---	6 8 0 2 4 6 89
FIM204	50V	01		Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111109731 ...	0	6	------78---	5
FIM204	50V	06		Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111109731 ...	0	6	------78---	7
180000	47M4			Sinh hoạt lớp	12604	Nguyễn Văn Trang	111111111 ...	150	6	--------90-	7
180000	49X2	01		Sinh hoạt lớp	11010	Nguyễn Trần Hưng	111113301 ...	131	6	--------90-	0 3 6 9
MEC202	49K	02		Các quá trình gia công	10806	Hà Bách Tứ	111113463 ...	150	7	12---------	5
MEC202	49K	01		Các quá trình gia công	12710	Hà Đức Thuận	111113463 ...	150	7	12---------	2
MEC202	49K	11		Các quá trình gia công	10806	Hà Bách Tứ	111113463 ...	150	7	12---------	9
MEC202	49K	14		Các quá trình gia công	10806	Hà Bách Tứ	111113463 ...	150	7	12---------	3
MEC202	49K	12		Các quá trình gia công	12710	Hà Đức Thuận	111113463 ...	150	7	12---------	7
MEC202	49K	13		Các quá trình gia công	12710	Hà Đức Thuận	111113463 ...	150	7	12---------	1
MEC202	49K	10		Các quá trình gia công	12710	Hà Đức Thuận	111113463 ...	150	7	12---------	7
BAS101	48C	02		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70905	Nguyễn Thị Vân	111112103 ...	150	7	12---------	5
BAS101	48C	01		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70905	Nguyễn Thị Vân	111112103 ...	150	7	12---------	3 6 8 0 2 4 6
BAS110	49K			Tư tưởng Hồ Chí Minh	70912	Lương Thị Thúy Nga	111113464 ...	140	7	--34-------	123
BAS110	49K	01		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70912	Lương Thị Thúy Nga	111113464 ...	140	7	--34-------	5678901234 67
ELE308	48H	01		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	7	--34-------	5
FIM101	49B			Môi trường và Con người	70210	Nguyễn Thị Hằng	111113103 ...	150	7	----56-----	23
FIM501	49P	01		Quản trị doanh nghiệp CN	92108	Ma Thế Ngàn	111113454 ...	150	7	----56-----	5678901234567
MEC202	49I	01		Các quá trình gia công	10806	Hà Bách Tứ	111113461 ...	150	7	------78---	2
BAS114	50A			Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70902	Nguyễn Thị Thu Thủy	111107112 ...	5	8	12---------	5
BAS114	50A	07		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70902	Nguyễn Thị Thu Thủy	111107112 ...	5	8	12---------	3
BAS114	50A	05		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70902	Nguyễn Thị Thu Thủy	111107112 ...	5	8	12---------	01
BAS114	50A	03		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70902	Nguyễn Thị Thu Thủy	111107112 ...	5	8	12---------	7
BAS114	50C	06		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70918	Trương Vũ Long	111107413 ...	5	8	12---------	6789
FIM501	47A			Quản trị doanh nghiệp CN	92106	Lương Mai Uyên	111111201 ...	160	8	--34-------	23 5678901234567
BAS114	50B		1	Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70914	Dương Thị Nhẫn	111107116 ...	5	8	----56-----	5678 012345678

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo